

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI

Số: 1971 /QB-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 03 tháng 7 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc thông qua phương án đề xuất đơn giản hóa và triển khai rà soát, thực thi phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước trong tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022-2025

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai tại Tờ trình số 1881 /TTr-VP ngày 03 tháng 7 năm 2024.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Thông qua phương án rà soát 100% thủ tục hành chính (TTHC) nội bộ, đề xuất đơn giản hóa và triển khai thực thi phương án đơn giản hóa đối với 203 TTHC nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022-2025, như sau:

a) Phần I: Phê duyệt Danh mục phương án đơn giản hóa đối với 34 TTHC nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước tỉnh Đồng Nai năm 2024, cụ thể:

- + 05 phương án đề xuất đơn giản hóa TTHC nội bộ Ngành Giáo dục và Đào tạo.
- + 03 phương án đề xuất đơn giản hóa TTHC nội bộ Ngành Khoa học và Công nghệ.
- + 13 phương án đề xuất đơn giản hóa TTHC nội bộ Ngành Nội vụ.
- + 01 phương án đề xuất đơn giản hóa TTHC nội bộ Ngành Tài nguyên và Môi trường.
- + 01 phương án đề xuất đơn giản hóa TTHC nội bộ Ngành Tài chính.
- + 02 phương án đề xuất đơn giản hóa TTHC nội bộ Ngành Xây dựng.
- + 01 phương án đề xuất đơn giản hóa TTHC nội bộ Ngành Tư pháp.
- + 08 phương án đề xuất đơn giản hóa TTHC nội bộ Ngành Thông tin và Truyền thông (trong đó, có 06 TTHC nội bộ đã thực hiện triển khai thực thi đơn giản hóa; 02 TTHC nội bộ đã triển khai thực thi một phần của phương án đơn giản hóa).

b) Phần II: Phê duyệt Danh mục triển khai rà soát, thực thi 100% TTHC nội bộ đã được thông qua phương án đơn giản hóa trong Hệ thống hành chính Nhà nước tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022-2025 đối với 81 TTHC nội bộ.

c) Phần III: Phê duyệt Danh mục triển khai rà soát, đề xuất phương án đơn giản hóa 100% TTHC nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022-2025 đối với 88 TTHC nội bộ.

*(Phụ lục các Danh mục và nội dung phương án đơn giản hóa đính kèm theo).*

**Điều 2.** Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa có liên quan đến các lĩnh vực kiến nghị đơn giản hóa nêu tại Điều 1 của Quyết định này, có trách nhiệm:

1. Đối với Danh mục tại Phần I về phê duyệt phương án đơn giản hóa TTHC nội bộ trong tỉnh Đồng Nai năm 2024 (34 TTHC nội bộ) và Phần II về triển khai thực thi 100% TTHC nội bộ tỉnh Đồng Nai đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025 (81 TTHC nội bộ):

- Các nội dung đề xuất đơn giản hóa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh: Giao Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa phối hợp với các đơn vị, địa phương có liên quan khẩn trương triển khai, tham mưu Tờ trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt sửa đổi, bổ sung TTHC nội bộ theo Phương án đơn giản hóa của đơn vị, địa phương đề xuất đã được phê duyệt để triển khai thực thi phương án đơn giản hóa, đảm bảo phù hợp với các quy phạm pháp luật tương ứng.

- Các nội dung đề xuất đơn giản hóa giảm thời gian giải quyết TTHC nội bộ: Giao Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa chủ động triển khai, đôn đốc thực hiện giảm thời gian xử lý hồ sơ trên thực tế nhằm tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức trong quá trình xử lý hồ sơ, TTHC nội bộ.

- Các nội dung đề xuất, kiến nghị các Bộ, ngành Trung ương xem xét, phê duyệt phương án đơn giản hóa: Thường xuyên theo dõi, phối hợp tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh trong việc triển khai thực thi các phương án đơn giản hóa TTHC nội bộ theo nội dung kiến nghị sau khi các quy phạm pháp luật tương ứng được điều chỉnh hoặc ban hành mới phù hợp.

2. Đối với Danh mục tại Phần III về triển khai 100% TTHC nội bộ thực hiện tiếp tục rà soát, đề xuất phương án đơn giản hóa của 88 TTHC nội bộ trong Hệ thống hành chính Nhà nước tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022-2025:

- Giao các Sở, ban ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa khẩn trương rà soát, đánh giá và xây dựng phương án đơn giản hóa TTHC nội bộ đã được công bố tại các Quyết định về việc công bố TTHC nội bộ trong tỉnh Đồng Nai và các Quyết định của Bộ ngành Trung ương về công bố TTHC nội bộ.

- Xây dựng Tờ trình, Danh mục, Nội dung đề xuất phương án đơn giản hóa tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt (đảm bảo 100% TTHC nội bộ còn lại được rà soát, đề xuất đơn giản hóa) theo quy định.

**Điều 3.** Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc việc tổ chức thực thi các Phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Các Bộ, ngành Trung ương;
- Q. Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh VP, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, Công TTĐT tỉnh, KGVX, KTN, KTNS, THNC, QTTV, HCTC, HCC.

**Q. CHỦ TỊCH**



**Võ Tấn Đức**



**DANH MỤC TRIỂN KHAI RÀ SOÁT 100 % THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ; ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN  
ĐƠN GIẢN HÓA VÀ TRIỂN KHAI THỰC THI PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA TTHC NỘI BỘ  
TRONG HỆ THỐNG HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TỈNH ĐỒNG NAI GIAI ĐOẠN 2022-2025**  
(Kèm theo Quyết định số 1971/QĐ-UBND ngày 03/7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)

I

Phụ lục I

Phần I

**DANH MỤC PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA TTHC NỘI BỘ TRONG TỈNH ĐỒNG NAI NĂM 2024**  
**I. NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

Stt	Tên TTHC nội bộ	Văn bản, quy định kiến nghị ĐGH	Thẩm quyền đề xuất ĐGH	Nội dung kiến nghị ĐGH
<b>A. TTHC NỘI BỘ CẤP TỈNH</b>				
1	Xét duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc Kinh	- Luật cư trú số 68/2020/QH 14 ngày 13/11/2020 của Quốc hội khóa 14. - Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ.	- <i>Thẩm quyền xem xét, đề xuất: Bộ Giáo dục và Đào tạo</i> - <i>Thẩm quyền quyết định: Chính phủ</i>	Bổ sung nội dung CCCD vào mẫu đơn
<b>B. TTHC NỘI BỘ CẤP HUYỆN</b>				
2	Thẩm định cho phép trường tiểu học công lập hoạt động trở lại	Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ.	- <i>Thẩm quyền xem xét, đề xuất: Bộ Giáo dục và Đào tạo.</i> - <i>Thẩm quyền quyết định: Chính phủ.</i>	Giảm số lượng hồ sơ
3	Thẩm định Trung tâm học tập cộng đồng các phường, xã hoạt động trở lại	Nghị định 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ.	- <i>Thẩm quyền xem xét, đề xuất: Bộ Giáo dục và Đào tạo.</i> - <i>Thẩm quyền quyết định: Chính phủ.</i>	Giảm thành phần, số lượng hồ sơ
4	Thẩm định cho phép trường Mẫu giáo, Mầm non hoạt động trở lại	Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ.	- <i>Thẩm quyền xem xét, đề xuất: Bộ Giáo dục và Đào tạo.</i> - <i>Thẩm quyền quyết định: Chính phủ.</i>	Giảm số lượng hồ sơ
5	Quy định về Kiểm định chất lượng và công nhận đạt Chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học	Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 của UBND tỉnh Đồng Nai	- <i>Trách nhiệm rà soát, tham mưu: Sở Giáo dục và Đào tạo.</i> - <i>Thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.</i>	Giảm thành phần hồ sơ: Phần mềm ABOT

## II. NGÀNH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Stt	Tên TTHC nội bộ	Văn bản, quy định kiến nghị ĐGH	Thẩm quyền đề xuất ĐGH	Nội dung kiến nghị ĐGH
6	Thành lập sân giao dịch công nghệ vùng	- Thông tư số 16/2014/TT-BKHCN ngày 13/6/2014; - Quyết định số 1919/QĐ-BKHCN ngày 28/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.	<i>Thẩm quyền xem xét, quyết định:</i> Bộ Khoa học và Công nghệ	Giám thời gian giải quyết TTHC
7	Bộ nhiệm giám định viên tư pháp trong hoạt động Khoa học và Công nghệ cấp tỉnh	- Thông tư số 03/2022/TT-BKHCN ngày 20/4/2022; - Quyết định số 1919/QĐ-BKHCN ngày 28/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ	<i>Thẩm quyền xem xét, quyết định:</i> Bộ Khoa học và Công nghệ	Giám thời gian giải quyết TTHC
8	Miễn nhiệm giám định viên tư pháp trong hoạt động Khoa học và Công nghệ cấp tỉnh	- Thông tư số 03/2022/TT-BKHCN ngày 20/4/2022; - Quyết định số 1919/QĐ-BKHCN ngày 28/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ	<i>Thẩm quyền xem xét, quyết định:</i> Bộ Khoa học và Công nghệ	Giám thời gian giải quyết TTHC

## III. NGÀNH NỘI VỤ

Stt	Tên TTHC nội bộ	Văn bản, quy định kiến nghị ĐGH	Thẩm quyền đề xuất ĐGH	Nội dung kiến nghị ĐGH
9	Cho ý kiến kế hoạch tuyển dụng viên chức của đơn vị sự nghiệp công lập đảm bảo một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập cho Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên	- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ; - Quyết định số 1786/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của UBND tỉnh.	- <i>Trách nhiệm rà soát, tham mưu:</i> Sở Nội vụ. - <i>Thẩm quyền quyết định:</i> Chủ tịch UBND tỉnh.	- Giám thành phần, số lượng hồ sơ; - Điều chỉnh trình tự, cách thức thực hiện; - Điều chỉnh căn cứ pháp lý.
10	Xét tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo" định kỳ hàng năm	Thông tư số 14/2019/TT-BNC ngày 15/11/2019 và Thông tư số 08/2022/TT-BNV ngày 19/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ	<i>Thẩm quyền xem xét, quyết định:</i> Bộ Nội vụ	Giám thời gian giải quyết TTHC
11	Đề nghị khen thưởng thường xuyên cấp nhà nước (Huân chương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Cờ thi đua của Chính phủ,	- Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2024/TT-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ; - Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày	- <i>Thẩm quyền xem xét, quyết định:</i> Bộ Nội vụ; - <i>Trách nhiệm rà soát, tham mưu:</i> Sở Nội vụ; <i>Thẩm quyền điều chỉnh</i> Quyết định số 573/QĐ-	- Giám số lượng hồ sơ; - Điều chỉnh mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Điều chỉnh căn cứ pháp lý.

	Chiến sĩ thi đua toàn quốc)	31/3/2023 của UBND tỉnh	UBND ngày 31/3/2023: Chủ tịch UBND tỉnh.	
12	Đề nghị khen thưởng theo đợt thi đua hoặc theo chuyên đề cấp nhà nước (Huân chương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ)	- Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2024/TT-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ; - Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 của UBND tỉnh	- <i>Thẩm quyền xem xét, quyết định:</i> Bộ Nội vụ; - <i>Trách nhiệm rà soát, tham mưu:</i> Sở Nội vụ; <i>Thẩm quyền điều chỉnh</i> Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 31/3/2023: Chủ tịch UBND tỉnh.	- Giám số lượng hồ sơ; - Điều chỉnh mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Điều chỉnh căn cứ pháp lý.
13	Đề nghị tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có quá trình công hiến trong tổ chức, các cơ quan và đoàn thể (Huân chương)	- Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2024/TT-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ; - Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 của UBND tỉnh	- <i>Thẩm quyền xem xét, quyết định:</i> Bộ Nội vụ; - <i>Trách nhiệm rà soát, tham mưu:</i> Sở Nội vụ; <i>Thẩm quyền điều chỉnh</i> Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 31/3/2023: Chủ tịch UBND tỉnh.	- Giám số lượng hồ sơ; - Điều chỉnh mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Điều chỉnh căn cứ pháp lý.
14	Nâng bậc lương thường xuyên/nâng phụ cấp thâm niên vượt khung (thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND cấp huyện)	- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ; - Quyết định số 1786/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của UBND tỉnh.	- <i>Trách nhiệm rà soát, tham mưu:</i> Sở Nội vụ. - <i>Thẩm quyền quyết định:</i> Chủ tịch UBND tỉnh.	- Giám thành phần, số lượng hồ sơ; - Điều chỉnh trình tự, cách thức thực hiện; - Điều chỉnh căn cứ pháp lý.
15	Công nhận kết quả thực hiện và xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các sở, cơ quan ngang sở, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh và UBND các huyện, thành phố	Quyết định số 1786/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của UBND tỉnh	- Trách nhiệm rà soát, tham mưu: Sở Nội vụ. - Thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh.	Bổ sung cách thức thực hiện
16	Xin nghỉ phép năm của cán bộ, công chức viên chức	- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ; - Quyết định số 1786/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của UBND tỉnh.	- Trách nhiệm rà soát, tham mưu: Sở Nội vụ. - Thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh.	- Bổ sung cách thức thực hiện; - Bổ sung quy định thời hạn giải quyết;

IV

17	Cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng	Quyết định số 1786/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của UBND tỉnh	- Trách nhiệm rà soát, tham mưu: Sở Nội vụ. - Thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh.	- Bổ sung căn cứ pháp lý. Bổ sung quy định về cách thức thực hiện
18	Điều động viên chức từ đơn vị sự nghiệp đến UBND cấp xã	- Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ; - Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ; - Quyết định số 1786/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của UBND tỉnh.	- Trách nhiệm rà soát, tham mưu: Sở Nội vụ. - Thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh.	- Điều chỉnh tên TTHC nội bộ; - Bổ sung cơ quan thực hiện TTHC; - Bổ sung căn cứ pháp lý.
19	Đánh giá Chi số cải cách hành chính UBND cấp huyện	Quyết định số 1786/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của UBND tỉnh	- Trách nhiệm rà soát, tham mưu: Sở Nội vụ. - Thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh.	- Bổ sung trình tự thực hiện.
20	Tặng kỷ niệm cương Vì sự nghiệp xây dựng phát triển tỉnh	- Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2024/TT-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ; - Quyết định số 1786/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của UBND tỉnh.	- Trách nhiệm rà soát, tham mưu: Sở Nội vụ. - Thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh.	- Bổ sung cách thức thực hiện; - Giảm số lượng hồ sơ; - Điều chỉnh mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Điều chỉnh căn cứ pháp lý.
21	Xét tặng công dân ưu tú	- Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2024/TT-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ; - Quyết định số 1786/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của UBND tỉnh.	- Trách nhiệm rà soát, tham mưu: Sở Nội vụ. - Thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh.	- Điều chỉnh kết quả thực hiện TTHC; - Điều chỉnh căn cứ pháp lý.

**IV. NGÀNH TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Stt	Tên TTHC nội bộ	Văn bản, quy định kiến nghị ĐGH	Thẩm quyền đề xuất ĐGH	Nội dung kiến nghị ĐGH
22	Phê duyệt kế hoạch sử dụng	Khoản 5, Điều 1, Nghị định số 148/2020/NĐ-	- Thẩm quyền xem xét, đề xuất: Bộ	Giảm thời gian

đất hàng năm cấp huyện	CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ	Tài nguyên và Môi trường. - Thẩm quyền quyết định: Chính phủ.	giải quyết TTHC nội bộ
------------------------	----------------------------------	--	---------------------------

## V. NGÀNH TÀI CHÍNH

Stt	Tên TTHC nội bộ	Văn bản, quy định kiến nghị ĐGH	Thẩm quyền đề xuất ĐGH	Nội dung kiến nghị ĐGH
23	Trình phê duyệt dự toán ngân sách hàng năm khối huyện	- Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ; - <i>Quyết định số 326/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai.</i>	- Trách nhiệm rà soát, tham mưu: Sở Tài chính. - Thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh.	Sửa đổi, bổ sung quy định thời gian giải quyết TTHC nội bộ

## VI. NGÀNH XÂY DỰNG

Stt	Tên TTHC nội bộ	Văn bản, quy định kiến nghị ĐGH	Thẩm quyền đề xuất ĐGH	Nội dung kiến nghị ĐGH
24	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình không theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	- Nghị định số 37/2010/CP-NĐ ngày 07/10/2010 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng; - Quyết định số 59/2023/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh Đồng Nai.	a) <i>Đề xuất Giám thời gian giải quyết:</i> - Thẩm quyền xem xét, đề xuất: Bộ Xây dựng. - Thẩm quyền quyết định: Chính phủ. b) <i>Đề xuất bổ sung căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:</i> - Trách nhiệm rà soát, tham mưu: Sở Xây dựng. - Thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh.	- Giám thời gian giải quyết TTHC nội bộ; - Sửa đổi, bổ sung căn cứ pháp lý của TTHC nội bộ.
25	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình không theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng; - Quyết định số 59/2023/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh Đồng Nai.	- Trách nhiệm rà soát, tham mưu: Sở Xây dựng. - Thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh.	

## VII. NGÀNH TƯ PHÁP

Stt	Tên TTHC nội bộ	Văn bản, quy định kiến nghị ĐGH	Thẩm quyền đề xuất ĐGH	Nội dung kiến nghị ĐGH
26	Cập nhật văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh	Điều 157 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015	- Thẩm quyền đề xuất: Bộ Tư pháp. - Thẩm quyền xem xét: Chính phủ.	Giảm thời gian giải quyết TTHC nội bộ



và Ủy ban nhân dân tỉnh trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật	(sửa đổi, bổ sung năm 2020)	- Thẩm quyền quyết định: Quốc hội.
--	-----------------------------	------------------------------------

## VIII. NGÀNH THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Stt	Tên TTHC nội bộ	Văn bản, quy định kiến nghị ĐGH	Thẩm quyền đề xuất ĐGH	Nội dung kiến nghị ĐGH	Nội dung thực thi PADGH đã thực hiện
27	Hiệp y khen thưởng đối với Sở Thông tin và Truyền thông	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 11/2023/TT-BTTTT ngày 30/9/2023;</li> <li>- Quyết định số 1001/QĐ-BTTTT ngày 09/6/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông;</li> <li>- Quyết định số 1643/QĐ-UBND ngày 03/6/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Bổ sung cách thức thực hiện TTHC nội bộ:</i> Bộ Thông tin và Truyền thông</li> <li>- <i>Điều chỉnh căn cứ pháp lý TTHC nội bộ:</i> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trách nhiệm rà soát, tham mưu: Sở Thông tin và Truyền thông.</li> <li>+ Thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh.</li> </ul> </li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bổ sung cách thức thực hiện TTHC nội bộ;</li> <li>- Điều chỉnh căn cứ pháp lý TTHC nội bộ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Đã bổ sung cách thức thực hiện TTHC nội bộ:</i> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Tiếp tục rà soát, bổ sung Điểm k của TTHC nội bộ tại Quyết định số 1643/QĐ-UBND ngày 03/6/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh.</i></li> </ul> </li> </ul>
28	Hiệp y khen thưởng đối với các cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 11/2023/TT-BTTTT ngày 30/9/2023;</li> <li>- Quyết định số 1001/QĐ-BTTTT ngày 09/6/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông;</li> <li>- Quyết định số 1643/QĐ-UBND ngày 03/6/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Bổ sung cách thức thực hiện TTHC nội bộ:</i> Bộ Thông tin và Truyền thông</li> <li>- <i>Điều chỉnh căn cứ pháp lý TTHC nội bộ:</i> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trách nhiệm rà soát, tham mưu: Sở Thông tin và Truyền thông.</li> <li>+ Thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh.</li> </ul> </li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bổ sung cách thức thực hiện TTHC nội bộ;</li> <li>- Điều chỉnh căn cứ pháp lý TTHC nội bộ</li> </ul>	
29	Phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin đối với hệ thống thông tin được đề xuất cấp độ 3	Quyết định số 1001/QĐ-BTTTT ngày 09/6/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông	Thẩm quyền quyết định: Bộ Thông tin và Truyền thông	Bổ sung cách thức thực hiện TTHC nội bộ	Đã được UBND tỉnh công bố tại Quyết định số 1643/QĐ-UBND ngày 03/6/2024.

## VII

30	Phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin đối với hệ thống thông tin được đề xuất cấp độ 1 và cấp độ 2	Quyết định số 1001/QĐ-BTTTT ngày 09/6/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông	Thẩm quyền quyết định: Bộ Thông tin và Truyền thông.	Bổ sung cách thức thực hiện TTHC nội bộ	Đã được UBND tỉnh công bố tại Quyết định số 1643/QĐ-UBND ngày 03/6/2024.
31	Thẩm định hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn hệ thống thông tin đối với hệ thống thông tin được đề xuất cấp độ 3	Quyết định số 1001/QĐ-BTTTT ngày 09/6/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông	Thẩm quyền quyết định: Bộ Thông tin và Truyền thông	Bổ sung cách thức thực hiện TTHC nội bộ	Đã được UBND tỉnh công bố tại Quyết định số 1643/QĐ-UBND ngày 03/6/2024.
32	Thẩm định thiết kế cơ sở (trường hợp thiết kế 2 bước), thiết kế chi tiết (trường hợp thiết kế 1 bước) dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin nhóm B	Quyết định số 1001/QĐ-BTTTT ngày 09/6/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông	Thẩm quyền quyết định: Bộ Thông tin và Truyền thông	Bổ sung cách thức thực hiện TTHC nội bộ	Đã được UBND tỉnh công bố tại Quyết định số 1643/QĐ-UBND ngày 03/6/2024.
33	Thẩm định thiết kế cơ sở (trường hợp thiết kế 2 bước), thiết kế chi tiết (trường hợp thiết kế 1 bước) dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin nhóm C	Quyết định số 1001/QĐ-BTTTT ngày 09/6/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông	Thẩm quyền quyết định: Bộ Thông tin và Truyền thông	Bổ sung cách thức thực hiện TTHC nội bộ	Đã được UBND tỉnh công bố tại Quyết định số 1643/QĐ-UBND ngày 03/6/2024.
34	Thẩm định đề cương và dự toán chi tiết hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước	Quyết định số 1001/QĐ-BTTTT ngày 09/6/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông	Thẩm quyền quyết định: Bộ Thông tin và Truyền thông	Bổ sung cách thức thực hiện TTHC nội bộ	Đã được UBND tỉnh công bố tại Quyết định số 1643/QĐ-UBND ngày 03/6/2024.

## Phần II

DANH MỤC TRIỂN KHAI THỰC THI 100 % TTHC NỘI BỘ TỈNH ĐỒNG NAI ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT  
PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA TRONG HỆ THỐNG HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2022-2025

## A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ TRIỂN KHAI THỰC THI PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA (35 TTHC nội bộ: Ban hành kèm theo Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Stt	Tên TTHC nội bộ	Yêu cầu thực hiện
<b>I.</b>	<b>SỐ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ</b>	
1	Thẩm định dự án đầu tư không có cấu phần xây dựng	Đã triển khai thực thi tại Văn bản số 1166/BKHĐT-VP ngày 20/02/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Văn bản số 2410/UBND-HCC ngày 11/3/2024 của UBND tỉnh.
2	Thẩm định thiết kế, dự toán dự án đầu tư không có cấu phần xây dựng	
<b>II.</b>	<b>SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO</b>	
<b>A.</b>	<b>Thủ tục hành chính nội bộ cấp tỉnh</b>	
3	Chuyển công tác (gồm: giữa các đơn vị trực thuộc; các đơn vị trực thuộc sở chuyên đến các huyện, thành phố trong tỉnh; các đơn vị trực thuộc sở chuyển đến ngoài tỉnh)	Tham mưu sửa đổi, bổ sung Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh.
4	Tiếp nhận viên chức	
5	Giải quyết phép đối với viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý và công chức	Tham mưu sửa đổi, bổ sung Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh.
6	Công chức, viên chức đi nước ngoài	
7	Giải quyết nghỉ việc	
8	Đề nghị miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí đối với các đối tượng thuộc diện miễn, giảm học phí ở các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học tư thục	Tham mưu sửa đổi, bổ sung Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh.
9	Xác minh văn bằng, chứng chỉ	
<b>B.</b>	<b>Thủ tục hành chính nội bộ cấp huyện</b>	
10	Thẩm định thành lập trường tiểu học công lập	Theo dõi kết quả phê duyệt ĐGH của Bộ, ngành Trung ương, đề rà soát, tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh triển khai thực thi phương án (sửa đổi, bổ sung Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh).
11	Thẩm định thành lập trường trung học cơ sở công lập	
12	Thẩm định cho phép trường trung học cơ sở công lập hoạt động trở lại	
13	Thẩm định việc thành lập Trung tâm học tập cộng đồng các phường, xã	
14	Thẩm định thành lập trường Mẫu giáo, Mầm non	

Stt	Tên TTHC nội bộ	Yêu cầu thực hiện
15	Thẩm định Cho phép trường Mẫu giáo, Mầm non hoạt động	
16	Quy định về Kiểm định chất lượng và công nhận đạt Chuẩn Quốc gia đối với trường tiểu học	Theo dõi kết quả phê duyệt ĐGH của Bộ, ngành Trung ương, đề rà soát, tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh triển khai thực thi phương án (sửa đổi, bổ sung Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh).
17	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số ít người	
III.	<b>SỞ NGOẠI VỤ</b>	
18	Cho phép cán bộ, công chức, viên chức đi nước ngoài về việc riêng thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh	Đã triển khai thực thi phương án Sửa đổi mẫu đơn, tờ khai tại Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh
19	Cho phép cán bộ, công chức, viên chức đi nước ngoài về việc riêng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Ngoại vụ	
IV.	<b>SỞ NỘI VỤ</b>	
20	Đề nghị khen thưởng theo đợt thi đua hoặc theo chuyên đề cấp nhà nước (Huân chương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ)	Theo dõi kết quả phê duyệt ĐGH của Bộ, ngành Trung ương, đề rà soát, tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh triển khai thực thi phương án (sửa đổi, bổ sung Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh).
21	Đề nghị tăng hoặc truy tăng cho cá nhân có quá trình công hiến trong tổ chức, các cơ quan và đoàn thể (Huân chương)	
V.	<b>SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG</b>	
22	Phê duyệt quy hoạch sử dụng đất cấp huyện	Theo dõi kết quả phê duyệt ĐGH của Bộ, ngành Trung ương, đề rà soát, tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh triển khai thực thi phương án (sửa đổi, bổ sung Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh).
23	Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện	
VI.	<b>SỞ TƯ PHÁP</b>	
24	Bổ nhiệm, cấp thẻ Trợ giúp viên pháp lý	Theo dõi kết quả phê duyệt ĐGH của Bộ, ngành Trung ương, đề rà soát, tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh triển khai thực thi phương án (sửa đổi, bổ sung Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh).
25	Miễn nhiệm và thu hồi thẻ Trợ giúp viên pháp lý	
26	Cấp lại thẻ Trợ giúp viên pháp lý	
27	Bổ nhiệm Giám định viên tư pháp	
VII.	<b>SỞ XÂY DỰNG</b>	
28	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình không theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh	

Stt	Tên TTHC nội bộ	Yêu cầu thực hiện
29	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình không theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh	Triển khai thực thi, thực hiện công khai hồ sơ trên Trang thông tin điện tử Sở Xây dựng; tiếp tục tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh triển khai thực thi phương án (sửa đổi, bổ sung Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh).
<b>VIII.</b>	<b>SỞ Y TẾ</b>	
30	Duyệt Báo Cáo Tình Hình Tồn Kho Và Dự Trừ Thuốc Methadone Thuộc Thẩm Quyền Quản Lý Của Sở Y Tế	Theo dõi kết quả phê duyệt ĐGH của Bộ, ngành Trung ương, đề rà soát, tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh triển khai thực thi phương án (sửa đổi, bổ sung Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh).
31	Đề nghị Xét tặng giải thưởng Hải Thượng Lãn Ông về công tác y dược cổ truyền	
<b>IX.</b>	<b>SỞ CÔNG THƯƠNG</b>	
32	Phê duyệt chợ đạt tiêu chuẩn chợ văn hóa	Đã triển khai thực thi, tham mưu sửa đổi, bổ sung Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai theo Tờ trình số 3348/TTr-SCT ngày 25 tháng 6 năm 2024.
33	Phê duyệt Nội quy chợ hạng 01, hạng 02, hạng 03	

**B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ TRIỂN KHAI THỰC THI PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA (10 TTHC nội bộ: Ban hành kèm theo Quyết định số 1786/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)**

Stt	Tên TTHC nội bộ	Yêu cầu thực hiện
<b>I.</b>	<b>SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH</b>	
<b>I.1.</b>	<b>Thủ tục hành chính nội bộ cấp tỉnh</b>	
	<b>Lĩnh vực Công tác Văn phòng</b>	
34	Tạm ứng và thanh toán công tác phí	
35	Xin xe đi công tác	
36	Sửa chữa trang thiết bị văn phòng sử dụng tại Khói Văn phòng Sở	Rà soát, tham mưu sửa đổi giảm thời gian giải quyết TTHC nội bộ tại Quyết định số 1786/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của UBND tỉnh Đồng Nai.
<b>I.2.</b>	<b>Thủ tục hành chính nội bộ cấp huyện</b>	
	<b>Lĩnh vực Văn hóa</b>	
37	Công nhận hương ước, quy ước	Đã triển khai thực thi phương án (Quyết định số 978/QĐ-BVHTTDL ngày 10/4/2024 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Quyết định số 1700/QĐ-UBND ngày 06/6/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh).

Stt	Tên TTHC nội bộ	Yêu cầu thực hiện
II.	<b>SỞ NỘI VỤ</b>	
	<b>Thủ tục hành chính nội bộ cấp huyện</b>	
	<b>A. Lĩnh vực Cán bộ, công chức, viên chức</b>	
38	Xét nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc của cán bộ, công chức, viên chức (thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND cấp huyện)	Rà soát, tham mưu triển khai thực thi phương án bổ sung Đối tượng thực hiện TTHC nội bộ Quyết định số 1786/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh.
39	Công nhận kết quả thực hiện và xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các sở, cơ quan ngang sở, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh và UBND các huyện, thành phố	1786/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh.
40	Điều động cán bộ, công chức từ UBND cấp xã này đến UBND cấp xã khác giữa các đơn vị hành chính cấp huyện khác nhau	Rà soát, tham mưu triển khai thực thi phương án Sửa đổi TTHC nội bộ tại Quyết định số 1786/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh
41	Thẩm định số lượng, tiêu chuẩn, chức danh người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn	Rà soát, tham mưu triển khai thực thi phương án sửa đổi, bổ sung trình tự thực hiện TTHC nội bộ tại Quyết định số 1786/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh
	<b>B. Lĩnh vực Cải cách hành chính</b>	
42	Đánh giá Chỉ số cải cách hành chính UBND cấp huyện	Rà soát, tham mưu triển khai thực thi phương án sửa đổi, bổ TTHC nội bộ tại Quyết định số 1786/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh
	<b>C. Lĩnh vực Thi đua – Khen thưởng</b>	
43	Xét tặng công dân ưu tú	Rà soát, tham mưu triển khai thực thi phương án sửa đổi, bổ TTHC nội bộ tại Quyết định số 1786/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh

**C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ TRIỂN KHAI THỰC THI PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA (09 TTHC nội bộ: Ban hành kèm theo Quyết định số 326/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)**

Stt	Tên TTHC nội bộ	Yêu cầu thực hiện
I.	<b>SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ</b>	
44	Thành lập sản giao dịch công nghệ vùng	Theo dõi kết quả phê duyệt DGH của Bộ, ngành Trung ương, để rà soát, tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh triển khai thực thi phương án đã đề xuất
45	Bổ nhiệm giám định viên tư pháp trong hoạt động Khoa học và Công nghệ cấp tỉnh	
46	Miễn nhiệm giám định viên tư pháp trong hoạt động Khoa học và Công nghệ cấp tỉnh	
II.	<b>SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ</b>	

	<b>Lĩnh vực Đầu tư công</b>	
47	Tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch đầu tư công hằng năm	Đã triển khai thực thi tại Văn bản số 1166/BKHĐT-VP ngày 20/02/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Văn bản số 2410/UBND-HCC ngày 11/3/2024 của UBND tỉnh (Tiếp tục theo dõi, thực hiện).
48	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công	
49	Quyết định đầu tư dự án đầu tư công khẩn cấp	Đã triển khai thực thi tại Văn bản số 1166/BKHĐT-VP ngày 20/02/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Văn bản số 2410/UBND-HCC ngày 11/3/2024 của UBND tỉnh (Tiếp tục theo dõi, thực hiện).
50	Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư	
51	Quyết định đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư	

**D. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ TRIỂN KHAI THỰC THI PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA THUỘC TRÁCH NHIỆM CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ (Theo Quyết định số 1303/QĐ-BKHĐT ngày 20/7/2023 của Bộ Trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)**

Stt	Tên TTHC nội bộ	Yêu cầu thực hiện
52	Quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản	Đã triển khai thực thi, đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, triển khai tại Văn bản số 1166/BKHĐT-VP ngày 20/02/2024 và triển khai của UBND tỉnh tại Văn bản số 2410/UBND-HCC ngày 11/3/2024 (Tiếp tục theo dõi, thực hiện).
53	Tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch đầu tư công hằng năm	
54	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công	
55	Quyết định đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư	
56	Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư	
57	Quyết định đầu tư dự án đầu tư công khẩn cấp	
58	Quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản	
59	Kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng	
60	Kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng hằng năm	

Tên TTHC nội bộ		Yêu cầu thực hiện
61	Thành lập doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập	
62	Hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập hoặc được giao quản lý	Đã triển khai thực thi, đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, triển khai tại Văn bản số 1166/BKHDT-VP ngày 20/02/2024 và triển khai của UBND tỉnh tại Văn bản số 2410/UBND-HCC ngày 11/3/2024 (Tiếp tục theo dõi, thực hiện).
63	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt/điều chỉnh, sửa đổi văn kiện khoản viện trợ là chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan chủ quản	
64	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt/điều chỉnh, sửa đổi văn kiện khoản viện trợ phi dự án sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan chủ quản.	
65	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt/điều chỉnh, sửa đổi văn kiện khoản viện trợ phi dự án sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan chủ quản	
66	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt/điều chỉnh, sửa đổi văn kiện khoản viện trợ phi dự án sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan chủ quản	
67	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt/điều chỉnh, sửa đổi văn kiện khoản viện trợ phi dự án sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan chủ quản.	

**D. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ TRIỂN KHAI THỰC THI PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA THUỘC TRÁCH NHIỆM CỦA SỞ Y TẾ (01 TTHC nội bộ Theo Quyết định số 3096/QĐ-BYT ngày 02/8/2023 của Bộ Trưởng Bộ Y tế)**

Stt	Tên TTHC nội bộ	Yêu cầu thực hiện
68	Áp dụng biện pháp cách ly Y tế tại cửa khẩu	Theo dõi kết quả phê duyệt ĐGH của Bộ, ngành Trung ương, để rà soát triển khai thực hiện

**E. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ TRIỂN KHAI THỰC THI PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA THUỘC TRÁCH NHIỆM CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO (05 TTHC nội bộ Theo Quyết định số 2344/QĐ-BGDĐT ngày 14/8/2023 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)**

Stt	Tên TTHC nội bộ	Yêu cầu thực hiện
69	Công nhận tình đạt chuẩn Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ	



70	Công nhận huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ	Theo dõi kết quả phê duyệt ĐGH của Bộ, ngành Trung ương, để rà soát triển khai thực hiện
71	Công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ	
72	Công nhận “Cờ thi đua của Bộ Giáo dục và Đào tạo”	
73	Xét tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo”	

**G. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ TRIỂN KHAI THỰC THI PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA THUỘC TRÁCH NHIỆM CỦA SỞ NGOẠI VỤ (05 TTHC nội bộ Theo Quyết định số 2344/QĐ-BGDĐT ngày 14/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)**

74	Cấp hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ (không gắn chip điện tử) tại cơ quan trong nước của Bộ Ngoại giao	Theo dõi kết quả phê duyệt ĐGH của Bộ, ngành Trung ương, để rà soát triển khai thực hiện
75	Gia hạn hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ (không gắn chip điện tử) tại cơ quan trong nước của Bộ Ngoại giao	
76	Cấp công hàm đề nghị phía nước ngoài cấp thị thực tại cơ quan trong nước của Bộ Ngoại giao	

**H. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ TRIỂN KHAI THỰC THI PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA THUỘC TRÁCH NHIỆM CỦA SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG (05 TTHC nội bộ: Ban hành kèm theo Quyết định số 1643/QĐ-UBND ngày 03/6/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)**

Stt	Tên TTHC nội bộ	Yêu cầu thực hiện
77	Phân bổ điện thoại thông minh	- Đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án đơn giản hóa TTHC nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông (Quyết định số 425/QĐ-TTg ngày 16/5/2024). - Sở Thông tin và Truyền thông tiếp tục theo dõi kết quả triển khai thực hiện của Bộ Thông tin và Truyền thông để làm căn cứ rà soát, tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh triển khai thực thi phương án (sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1643/QĐ-UBND ngày 03/6/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh).
78	Cung cấp thông tin giải thích, làm rõ các thông tin sai lệch	
79	Nộp xuất bản phẩm lưu chiếu đối với xuất bản phẩm dạng in	
80	Thẩm định phương án, giải pháp kỹ thuật, công nghệ của đề cương và dự toán chi tiết hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước	
81	Thẩm định kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin	

**DANH MỤC TRIỂN KHAI RÀ SOÁT 100 % THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA  
TRONG HỆ THỐNG HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TỈNH ĐỒNG NAI GIAI ĐOẠN 2022-2025**

**A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ TRIỂN KHAI THỰC THI PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA (18 TTHC  
nội bộ: Ban hành kèm theo Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)**

Stt	Tên TTHC nội bộ	Yêu cầu thực hiện
<b>I. SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ</b>		
1	Hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án do cơ quan nhà nước có thẩm quyền lập	Tiếp tục rà soát, đề xuất
2	Thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu	
3	Thẩm định chủ trương đầu tư	
4	Thẩm định dự án đầu tư có cấu phần xây dựng	Tiếp tục rà soát, đề xuất
<b>II. SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO</b>		
<b>A. Thủ tục hành chính nội bộ cấp tỉnh</b>		
5	Xét duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc Kinh	Tiếp tục rà soát, đề xuất
<b>III. SỞ NGOẠI VỤ</b>		
6	Cho phép cán bộ, công chức, viên chức đi nước ngoài về việc công thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh	Tiếp tục rà soát, đề xuất
7	Cho phép cán bộ, công chức, viên chức đi nước ngoài về việc công thẩm quyền giải quyết của Sở Ngoại vụ	Tiếp tục rà soát, đề xuất
<b>IV. SỞ NỘI VỤ</b>		
8	Đề nghị khen thưởng thường xuyên cấp nhà nước (Huân chương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Cờ thi đua Chính phủ, Chiến sĩ thi đua toàn quốc)	Tiếp tục rà soát, đề xuất
9	Bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý đối với cán bộ, công chức, viên chức	Tiếp tục rà soát, đề xuất
10	Bổ nhiệm vào ngạch công chức, xếp lương đối với trường hợp đã có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc khi được tuyển dụng	
11	Bổ nhiệm vào ngạch công chức	
12	Điều động, tiếp nhận công chức	Tiếp tục rà soát, đề xuất

Stt	Tên TTHC nội bộ	Yêu cầu thực hiện
V.	<b>SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN</b>	
A.	<b>TTHC nội bộ theo Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 31/3/2023</b>	
13	Công nhận xã nông thôn mới (NTM), NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu	Tiếp tục rà soát, đề xuất
14	Công nhận làng nghề truyền thống	
B.	<b>TTHC nội bộ mới ban hành bổ sung theo Quyết định số 1872/QĐ-UBND ngày 24/6/2024</b>	
15	Quyết định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi, quyết định vùng nuôi chim yến	Tiếp tục rà soát, đề xuất
16	Quyết định mật độ chăn nuôi của địa phương	Tiếp tục rà soát, đề xuất
17	Công bố dịch bệnh động vật trên cạn xảy ra từ 02 huyện trở lên trong phạm vi tỉnh	Tiếp tục rà soát, đề xuất
18	Công bố hết dịch bệnh động vật trên cạn xảy ra từ 02 huyện trở lên trong phạm vi tỉnh	Tiếp tục rà soát, đề xuất
19	Công bố dịch bệnh động vật thủy sản	Tiếp tục rà soát, đề xuất
20	Công bố vùng dịch bệnh động vật trên cạn bị uy hiếp	Tiếp tục rà soát, đề xuất
21	Công bố hết dịch bệnh động vật thủy sản	Tiếp tục rà soát, đề xuất
22	Quyết định việc hỗ trợ kinh phí, vật tư và nguồn lực phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn vượt quá khả năng của địa phương	Tiếp tục rà soát, đề xuất
23	Phê duyệt kế hoạch phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản	Tiếp tục rà soát, đề xuất
24	Thành lập khu rừng đặc dụng thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Tiếp tục rà soát, đề xuất
25	Thành lập khu rừng phòng hộ nằm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Tiếp tục rà soát, đề xuất
26	Quyết định đóng hoặc mở cửa rừng tự nhiên thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Tiếp tục rà soát, đề xuất
27	Phê duyệt kế hoạch giao rừng, cho thuê rừng	Tiếp tục rà soát, đề xuất
28	Thủ tục phê duyệt, điều chỉnh kế hoạch quan trắc, cảnh báo môi trường nuôi trồng thủy sản của địa phương	Tiếp tục rà soát, đề xuất
29	Công bố dịch hại thực vật thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Tiếp tục rà soát, đề xuất
30	Công bố hết dịch hại thực vật thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Tiếp tục rà soát, đề xuất
31	Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa trên phạm vi toàn tỉnh	Tiếp tục rà soát, đề xuất
32	Ban hành Danh mục loài cây trồng thuộc các loại cây lâu năm được chứng nhận quyền sở hữu trên địa	Tiếp tục rà soát, đề xuất

		<b>Tên TTTC nội bộ</b>	
<b>Stt</b>			<b>Yêu cầu thực hiện</b>
	bản tỉnh		
33	Lập kế hoạch, đề án phát triển vùng sản xuất hàng hóa tập trung		
34	Xác định, công bố vùng sản xuất trên vùng đất dốc, đất trũng, đất phèn, đất mặn, đất cát ven biển và đất có nguy cơ sa mạc hóa, hoang mạc hóa	Tiếp tục rà soát, đề xuất	Tiếp tục rà soát, đề xuất
35	Phê duyệt điều chỉnh chương trình khuyến nông địa phương	Tiếp tục rà soát, đề xuất	
36	Phê duyệt kế hoạch triển khai dự án phát triển ngành nghề nông thôn từ nguồn vốn ngân sách địa phương	Tiếp tục rà soát, đề xuất	
37	Công bố dịch bệnh động vật trên cạn xảy ra trong phạm vi huyện	Tiếp tục rà soát, đề xuất	
38	Công bố hết dịch bệnh động vật trên cạn xảy ra trong phạm vi huyện	Tiếp tục rà soát, đề xuất	
39	Quyết định việc hỗ trợ kinh phí, vật tư và nguồn lực phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn vượt quá khả năng của địa phương	Tiếp tục rà soát, đề xuất	
40	Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa trên địa bàn huyện	Tiếp tục rà soát, đề xuất	

**B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ TRIỂN KHAI THỰC THI PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA (17 TTTC nội bộ: Ban hành kèm theo Quyết định số 1786/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)**

<b>Stt</b>	<b>Tên TTTC nội bộ</b>		<b>Yêu cầu thực hiện</b>
<b>I.</b>	<b>SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH</b>		
<b>I.1.</b>	<b>Thủ tục hành chính nội bộ cấp tỉnh</b>		
<b>A.</b>	<b>Lĩnh vực Công tác văn phòng</b>		
41	Xây dựng, ban hành Chương trình công tác năm của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		Tiếp tục rà soát, đề xuất
<b>B.</b>	<b>Lĩnh vực Di sản văn hóa</b>		
42	Công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng cấp tỉnh, ban hoặc trung tâm quản lý di tích		Tiếp tục rà soát, đề xuất
43	Công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng ngoài công lập, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc đang quản lý hợp pháp hiện vật		
44	Kiểm kê di tích phổ thông		
<b>II.</b>	<b>SỞ NỘI VỤ</b>		
<b>II.1.</b>	<b>Thủ tục hành chính nội bộ cấp tỉnh</b>		
<b>A.</b>	<b>Lĩnh vực Cải cách hành chính</b>		
45	Đánh giá Chỉ số cải cách hành chính các Sở, ban ngành, UBND cấp huyện		Tiếp tục rà soát, đề xuất

Stt	Tên TTHC nội bộ	Yêu cầu thực hiện
<b>B.</b>	<b>Lĩnh vực Tín ngưỡng, tôn giáo</b>	
46	Xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo” định kỳ hàng năm	Tiếp tục rà soát, đề xuất
47	Xét khen thưởng tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc trong công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo định kỳ hàng năm	
<b>C.</b>	<b>Lĩnh vực Cán bộ, công chức, viên chức</b>	
48	Cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng	Tiếp tục rà soát, đề xuất
49	Xin nghỉ phép năm của cán bộ, công chức, viên chức (đối với các đối tượng thuộc Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý)	
50	Xét nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc của cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh	
51	Nâng bậc lương thường xuyên/ nâng phụ cấp thâm niên vượt khung	
<b>II.2.</b>	<b>Thủ tục hành chính nội bộ cấp tỉnh, cấp huyện</b>	
<b>A.</b>	<b>Lĩnh vực Cán bộ, công chức, viên chức (chung)</b>	
52	Cho ý kiến kế hoạch tuyển dụng viên chức của đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập cho Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên	Tiếp tục rà soát, đề xuất
<b>B.</b>	<b>Lĩnh vực Cán bộ, công chức, viên chức</b>	
53	Nâng bậc lương thường xuyên/ nâng phụ cấp thâm niên vượt khung (thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND cấp huyện)	Tiếp tục rà soát, đề xuất
54	Xin nghỉ phép năm của cán bộ, công chức, viên chức	Tiếp tục rà soát, đề xuất
55	Điều động viên chức từ đơn vị sự nghiệp công lập đến UBND cấp xã	
<b>C.</b>	<b>Lĩnh vực Thi đua – Khen thưởng</b>	
56	Tặng kỷ niệm chương Vì sự nghiệp xây dựng phát triển tỉnh	Tiếp tục rà soát, đề xuất

**C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ THUỘC TRÁCH NHIỆM TRIỂN KHAI RÀ SOÁT, ĐỀ XUẤT ĐƠN GIẢN HÓA (04 TTHC nội bộ: Ban hành kèm theo Quyết định số 2050/QĐ-UBND ngày 23/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai).**

Stt	Tên TTHC nội bộ	Yêu cầu thực hiện
<b>I.</b>	<b>SỞ TƯ PHÁP</b>	

Stt	Tên TTHC nội bộ	Yêu cầu thực hiện
A.	<b>TTHC nội bộ cấp tỉnh</b>	
57	Cập nhật văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật	Tiếp tục rà soát, đề xuất
B.	<b>TTHC nội bộ cấp tỉnh, cấp huyện</b>	
58	Thủ tục thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân	Tiếp tục rà soát, đề xuất
II.	<b>UBND CẤP HUYỆN (UBND huyện Nhơn Trạch)</b>	
59	Xây dựng, ban hành Chương trình công tác tháng, năm của Ủy ban nhân dân huyện	
60	Tổ chức phiên họp thường kỳ của UBND huyện/hội nghị, hội thảo, cuộc họp, làm việc khác do Lãnh đạo UBND huyện chủ trì	Tiếp tục rà soát, đề xuất

**D. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ THUỘC TRÁCH NHIỆM TRIỂN KHAI RÀ SOÁT, ĐỀ XUẤT (08 TTHC nội bộ: Ban hành kèm theo Quyết định số 326/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)**

Stt	Tên TTHC nội bộ	Yêu cầu thực hiện
A	<b>Lĩnh vực Đầu tư công</b>	
61	Tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn	Tiếp tục rà soát, đề xuất
62	Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách địa phương	Tiếp tục rà soát, đề xuất
63	Theo dõi, kiểm tra, đánh giá chương trình, dự án đầu tư công	Tiếp tục rà soát, đề xuất
B	<b>Lĩnh vực Đầu tư theo phương thức đối tác công tư</b>	
64	Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP do cơ quan có thẩm quyền lập	
65	Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt dự án PPP do cơ quan có thẩm quyền lập	Tiếp tục rà soát, đề xuất
66	Thẩm định nội dung điều chỉnh chủ trương đầu tư, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án PPP do cơ quan có thẩm quyền lập	
67	Thẩm định nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án PPP do cơ quan có thẩm quyền lập	Tiếp tục rà soát, đề xuất
C	<b>Lĩnh vực Quy hoạch</b>	
68	Lập quy hoạch tỉnh	Tiếp tục rà soát, đề xuất

**D. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ THUỘC TRÁCH NHIỆM TRIỂN KHAI RÀ SOÁT, ĐỀ XUẤT CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG (02 TTHC nội bộ: Ban hành kèm theo Quyết định số 1494/QĐ-UBND ngày 21/5/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)**

Stt	Tên TTHC nội bộ	Yêu cầu thực hiện
69	Khoanh định khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản	Tiếp tục rà soát, đề xuất
70	Khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp tỉnh	Tiếp tục rà soát, đề xuất

**E. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ THUỘC TRÁCH NHIỆM TRIỂN KHAI RÀ SOÁT, ĐỀ XUẤT CỦA SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG (14 TTHC nội bộ: Ban hành kèm theo Quyết định số 1643/QĐ-UBND ngày 03/6/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)**

Stt	Tên TTHC nội bộ	Yêu cầu thực hiện
71	Nộp xuất bản phẩm lưu chiếu đối với xuất bản phẩm điện tử	Tiếp tục rà soát, đề xuất

**G. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ THUỘC TRÁCH NHIỆM TRIỂN KHAI RÀ SOÁT, ĐỀ XUẤT CỦA SỞ VĂN HÓA – THỂ THAO VÀ DU LỊCH (15 TTHC nội bộ: Ban hành kèm theo Quyết định số 1700/QĐ-UBND ngày 06/6/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)**

Stt	Tên TTHC nội bộ	Yêu cầu thực hiện
<b>I.</b>	<b>CẤP TỈNH</b>	
<b>A.</b>	<b>Lĩnh vực Văn hóa</b>	
72	Thủ tục xét, công nhận quận, thị xã, thành phố thuộc cấp tỉnh đạt chuẩn đô thị văn minh	Tiếp tục rà soát, đề xuất
73	Thủ tục xét, công nhận lại quận, thị xã, thành phố thuộc cấp tỉnh đạt chuẩn đô thị văn minh	Tiếp tục rà soát, đề xuất
74	Thủ tục xét tặng danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”	Tiếp tục rà soát, đề xuất
<b>B.</b>	<b>Lĩnh vực Mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm</b>	
75	Thủ tục phê duyệt quy hoạch tượng đài, tranh hoành tráng cấp tỉnh	Tiếp tục rà soát, đề xuất
76	Thủ tục điều chỉnh quy hoạch tượng đài, tranh hoành tráng cấp tỉnh	Tiếp tục rà soát, đề xuất
<b>C.</b>	<b>Lĩnh vực Thư viện</b>	
77	Thủ tục thông báo thành lập thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện công lập; thư viện cấp huyện	Tiếp tục rà soát, đề xuất
78	Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện công lập; thư viện cấp huyện	Tiếp tục rà soát, đề xuất
79	Thủ tục thông báo giải thể thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện công lập; thư viện cấp huyện	Tiếp tục rà soát, đề xuất

Stt	Tên TTTC nội bộ	Yêu cầu thực hiện
<b>II. CẤP HUYỆN</b>		
<b>A. Lĩnh vực Văn hóa</b>		
80	Thủ tục xét, công nhận phường, thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh	Tiếp tục rà soát, đề xuất
81	Thủ tục xét, công nhận lại phường, thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh	Tiếp tục rà soát, đề xuất
82	Thủ tục xét tặng danh hiệu “Thôn, tổ dân phố văn hóa”	Tiếp tục rà soát, đề xuất
<b>B. Lĩnh vực Thư viện</b>		
83	Thủ tục thông báo thành lập thư viện cấp xã; thư viện cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác là thư viện công lập	Tiếp tục rà soát, đề xuất
84	Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện cấp xã; thư viện cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông; cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác là thư viện công lập	Tiếp tục rà soát, đề xuất
85	Thủ tục thông báo giải thể thư viện cấp xã; thư viện cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông; cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác là thư viện công lập	Tiếp tục rà soát, đề xuất
<b>III. CẤP XÃ</b>		
<b>Lĩnh vực Văn hóa</b>		
86	Thủ tục tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”	Tiếp tục rà soát, đề xuất

**H. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ THUỘC TRÁCH NHIỆM TRIỂN KHAI RÀ SOÁT, ĐỀ XUẤT CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ (01 TTTC nội bộ: Ban hành kèm theo Quyết định số 1757/QĐ-UBND ngày 11/6/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đông Nai)**

Stt	Tên TTTC nội bộ	Yêu cầu thực hiện
87	Thực hiện giám định chất lượng và giá trị máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ trong dự án đầu tư	Tiếp tục rà soát, đề xuất

**I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ THUỘC TRÁCH NHIỆM TRIỂN KHAI RÀ SOÁT, ĐỀ XUẤT CỦA SỞ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI (01 TTTC nội bộ ban hành mới)**

Stt	Tên TTTC nội bộ	Yêu cầu thực hiện
88	Xếp hạng một số loại hình đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành Lao động - Thương binh và Xã hội	Tiếp tục rà soát, đề xuất



**Phụ lục II****NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA TTHC NỘI BỘ TRONG  
HỆ THỐNG HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TỈNH ĐỒNG NAI NĂM 2024**  
(Danh mục tại Phần I, Phụ lục I, Kèm theo Quyết định số: 1371/QĐ-UBND  
ngày 03/7/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)**I. NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO****A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ CẤP TỈNH****A1. Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo****1. Thủ tục Xét duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc Kinh***a) Nội dung đơn giản hóa*

- Bổ sung nội dung CCCD vào mẫu đơn đề nghị hỗ trợ vì để tiện cập nhật theo dõi và tra cứu số định danh cá nhân trên cơ sở dữ liệu ngành giáo dục nên trong mẫu đơn đề nghị hỗ trợ (mẫu số 02) bổ sung thêm nội dung số CCCD.

- Lý do: Theo quy định tại Luật cư trú số 68/2020/QH 14 ngày 13/11/2020 của Quốc hội khóa 14, hiệu lực từ ngày 01/7/2021 thì từ 01/01/2023 sổ hộ khẩu, sổ tạm trú không còn.

*b) Kiến nghị thực thi:*

- Kiến nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo: Kiến nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo rà soát, tham mưu Chính phủ xem xét, bổ sung nội dung số CCCD vào Mẫu đơn số 2 tại Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ học sinh bán trú, trường phổ thông dân tộc bán trú và học sinh trung học phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn từ năm 2024 - 2025.

*c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:* Từ ngày 01/01/2023, bãi bỏ quy định về sổ hộ khẩu, sổ tạm trú để đảm bảo thực thi quy định tại Luật cư trú số 68/2020/QH 14 ngày 13/11/2020 của Quốc hội khóa 14.

**B. CẤP HUYỆN****B1. Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo****2. Thủ tục Thẩm định cho phép trường tiểu học công lập hoạt động trở lại**

*a) Nội dung đơn giản hóa:* Giảm số lượng hồ sơ từ 03 bộ xuống 01 bộ

*Lý do đơn giản hóa:* Giảm bớt số lượng hồ sơ giấy tờ không cần thiết;

*b) Kiến nghị thực thi:*

- Thực hiện theo Điểm b, Khoản 3, Điều 18, Nghị định 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn từ năm 2024-2025.

*c) Lợi ích phương án đơn giản hóa*

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 03 bộ x 300.000 = 900.000/1 hồ sơ ( Tiền in ấn, công chứng giấy tờ có liên quan)

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 01 bộ x 300.000đ/1 hồ sơ = 300.000.

- Chi phí tiết kiệm: 600.000 đồng/1 hồ sơ

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 66,7%.

### **3. Thủ tục thẩm định Trung tâm học tập cộng đồng các phường, xã hoạt động trở lại**

*a) Nội dung đơn giản:*

- Giảm số lượng hồ sơ: 01 bản pho to

- Bỏ thành phần hồ sơ là sơ yếu lý lịch

*Lý do đơn giản hóa:*

- Giảm bớt hồ sơ giấy tờ không cần thiết;

- Trong thủ tục thẩm định việc thành lập Trung tâm học tập cộng đồng đã yêu cầu thành phần hồ sơ này, việc Trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại khi khắc phục được nguyên nhân dẫn đến đình chỉ hoạt động của Trung tâm không liên quan thành phần hồ sơ này.

*b) Kiến nghị thực thi:*

- Thực hiện theo Điểm d, Khoản 3, Điều 44, Nghị định 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn từ năm 2024-2025.

*c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:*

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 01 bộ x 300.000 = 300.000 đồng (tiền in ấn, công chứng giấy tờ có liên quan)

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 01 bộ x 300.000 = 300.000 đồng.

- Chi phí tiết kiệm: 300.000 đồng (01 bộ hồ sơ).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 50%.

### **4. Thủ tục thẩm định cho phép trường Mẫu giáo, mầm non hoạt động trở lại**

*a) Nội dung đơn giản:* Giảm số lượng hồ sơ: 03 bộ xuống 01 bộ.

*Lý do đơn giản hóa:* Giảm bớt hồ sơ giấy tờ cho tổ chức, cá nhân.

*b) Kiến nghị thực thi:*

- Thực hiện theo Khoản 3 điều 6 nghị định 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn từ năm 2024-2025.

*c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:*

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 03 bộ x 300.000 = 900.000 đồng (tiền in ấn, công chứng giấy tờ có liên quan).

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 02 bộ x 300.000 = 600.000 đồng.

- Chi phí tiết kiệm: 600.000 đồng (02 bộ hồ sơ).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 66,7%.

**5. Thủ tục quy định về kiểm định chất lượng và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường Tiểu học**

*a) Nội dung đơn giản:* Bãi bỏ thành phần hồ sơ Phần mềm ABOT.

*Lý do:* Không thể nộp hồ sơ qua phần mềm, trước khi nộp hồ sơ đăng ký kiểm định, các đơn vị đã báo cáo đầy đủ thông tin trên phần mềm và được Sở GDĐT duyệt trên phần mềm.

*b) Kiến nghị thực thi:* Điều chỉnh thành phần hồ sơ theo Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 của UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong tỉnh Đồng Nai.

*c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:* Thực hiện theo quy định về kiểm định chất lượng và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường Tiểu học.

## II. NGÀNH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

### 6. Thủ tục thành lập sàn giao dịch công nghệ vùng

#### a) Nội dung đề xuất đơn giản hóa:

- Giảm thời gian giải quyết TTHC nội bộ: Giảm 01 ngày trong thời gian, Sở Khoa học và Công nghệ kiểm tra tính hợp lệ hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền thông báo bằng văn bản cho tổ chức lập hồ sơ biết để sửa đổi, bổ sung (tổng thời gian của bước này còn 04 ngày).

- Lý do: Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính, đẩy nhanh tiến độ thực hiện hồ sơ, giảm chi phí tuân thủ thủ tục hành chính, nâng cao sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp.

#### b) Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét sửa đổi Quyết định số 1919/QĐ-BKH-CN ngày 28/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố TTHC nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn từ năm 2024-2025.

#### c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 45 ngày công x 250.000 = 11.250.000 đồng.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 44 ngày công x 250.000 = 11.000.000 đồng.

- Chi phí tiết kiệm: 250.000 đồng (01 ngày công).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 2,27%.

### 7. Thủ tục bổ nhiệm giám định viên tư pháp trong hoạt động KH&CN cấp tỉnh

a) Nội dung đề xuất đơn giản hóa: Giảm 01 ngày trong thời gian, Sở Khoa học và Công nghệ kiểm tra tính hợp lệ hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền thông báo bằng văn bản.

Lý do: Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính, đẩy nhanh tiến độ thực hiện hồ sơ, giảm chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

#### b) Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét sửa đổi Quyết định số 1919/QĐ-BKH-CN ngày 28/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố TTHC nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn từ năm 2024-2025.

#### c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 20 ngày công x 250.000 = 5.000.000 đồng.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 19 ngày công x 250.000 = 4.750.000 đồng.

- Chi phí tiết kiệm: 250.000 đồng (01 ngày công)

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 5,2%.

### **8. Thủ tục Miễn nhiệm giám định viên tư pháp trong hoạt động Khoa học và Công nghệ cấp tỉnh**

*a) Nội dung phương án đơn giản hóa:* Giảm 01 ngày trong thời gian, Sở Khoa học và Công nghệ kiểm tra tính hợp lệ hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền thông báo bằng văn bản.

- *Lý do:* Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính, đẩy nhanh tiến độ thực hiện hồ sơ, giảm chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

*b) Kiến nghị thực thi:*

- Kiến nghị Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét sửa đổi Quyết định số 1919/QĐ-BKH-CN ngày 28/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố TTHC nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn từ năm 2024-2025.

*c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:*

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 10 ngày công x 250.000 = 2.500.000 đồng.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 09 ngày công x 250.000 = 2.250.000 đồng.

- Chi phí tiết kiệm: 250.000 đồng (01 ngày công).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 11,1%.

### III. NGÀNH NỘI VỤ

#### A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ CHUNG - LĨNH VỰC CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

##### 9. Thủ tục Cho ý kiến kế hoạch tuyển dụng viên chức của đơn vị sự nghiệp công lập đảm bảo một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập cho Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên

a) *Nội dung đơn giản hóa:* Bỏ hình thức nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp (mục đích không nhân hồ sơ giấy); Quy định cụ thể hình thức nộp hồ sơ: Trực tuyến qua môi trường mạng.

*Lý do:* Thực hiện mục tiêu chuyển đổi số và các TTHC đã dần được tích hợp hoàn chỉnh trên cổng dịch thông tin điện tử của quốc gia, trực liên thông trao đổi văn bản điện tử của các địa phương đã được đưa vào sử dụng hiệu quả. Việc trao đổi, nộp hồ sơ qua môi trường mạng là rất cần thiết và có hiệu quả giảm thiểu chi phí thực hiện TTHC.

- Giảm thành phần, số lượng hồ sơ: Giảm (bãi bỏ) đối với thành phần hồ sơ là Quyết định giao biên chế viên chức của cấp có thẩm quyền hàng năm và số lượng viên chức thực hiện có ở từng vị trí việc làm của đơn vị.

*Lý do:* Tại kế hoạch tuyển dụng viên chức của đơn vị sự nghiệp công lập đã thể hiện và quy định yêu cầu báo cáo cụ thể số lượng biên chế được giao, số lượng biên chế hiện có, số lượng vị trí việc làm còn thiếu so với vị trí việc làm được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Kiến nghị bổ sung thêm căn cứ pháp lý: Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

*Lý do:* Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ đã được ban hành và có hiệu lực từ ngày 07/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ.

##### b) *Kiến nghị thực thi:*

- Sửa đổi điểm b, c, bổ sung căn cứ pháp lý tại điểm k của TTHC số 16 mục II.2 TTHC nội bộ cấp tỉnh, cấp huyện theo Quyết định số 1786/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của UBND tỉnh.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2024 – 2025.

##### c) *Lợi ích phương án đơn giản hóa*

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: Chi phí hiện tại/1 bộ hồ sơ: 3000 đồng<sup>1</sup> x 20 trang A4<sup>2</sup> (số trang của hồ sơ) = 60.000 đồng/1 bộ hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: Chi phí tiết kiệm là 60.000

<sup>1</sup> Đơn giá photo trang giấy a4 theo quy định của Bộ Tài chính tại Thông tư số 46/2018/TT-BTC ngày 14/5/2018.

<sup>2</sup> Số lượng trang A4 trung bình/1 bộ hồ sơ đối với thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện.

đồng (trường hợp TTHC thực hiện 100% trên môi trường mạng), tương ứng tỷ lệ cắt giảm chi phí 100%.

## **B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ CẤP TỈNH**

### **B1. LĨNH VỰC TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO**

#### **10. Thủ tục Xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo” định kỳ hàng năm**

a) *Nội dung đơn giản hóa:* Rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ từ 60 ngày làm việc xuống 55 ngày làm việc.

*Lý do:* Nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính nội bộ, tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai thực hiện.

b) *Kiến nghị thực thi:*

- Điều chỉnh Thông tư số 14/2019/TT-BNC ngày 15/11/2019 và Thông tư số 08/2022/TT-BNV ngày 19/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn xét tặng Kỷ niệm chương về các lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nội vụ.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2024 – 2025.

c) *Lợi ích phương án đơn giản hóa*

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 60 ngày công x 250.000đ = 15.000.000đ (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 55 ngày công x 250.000đ = 13.750.000đ.

- Chi phí tiết kiệm: 1.250.000đ (05 ngày công).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 8.33%

### **B2. LĨNH VỰC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG**

#### **11. Thủ tục Đề nghị khen thưởng thường xuyên cấp nhà nước (Huân chương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Cờ thi đua của Chính phủ, Chiến sĩ thi đua toàn quốc)**

a) *Nội dung đơn giản hóa:*

- Giảm số lượng báo cáo thành tích chỉ còn **04 bản** đối với hồ sơ đề nghị Huân chương; Chiến sĩ thi đua toàn quốc và 03 bản đối với hồ sơ đề nghị Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; Cờ thi đua của Chính phủ (kể cả trường hợp của các tập thể và cá nhân cần lấy ý kiến của Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương)<sup>3</sup>.

*Lý do:* Việc giảm số lượng báo cáo thành tích giúp giảm chi phí in ấn, giảm số lượng hồ sơ giấy tờ và giảm chi phí vận chuyển.

- *Kiến nghị điều chỉnh quy định về mẫu đơn, mẫu tờ khai, điều chỉnh thành:*  
**“Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Theo mẫu phụ lục kèm theo Nghị định số

<sup>3</sup> Thành phần hồ sơ quy định tại Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 gồm Báo cáo thành tích (05 bản). Đối với tập thể và cá nhân cần lấy ý kiến của Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương thì nộp 07 bản báo cáo thành tích.

98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ.

- Mẫu báo cáo thành tích của Tập thể (mẫu số **02**)
- Mẫu báo cáo thành tích của Cá nhân (mẫu số **03**)”.

*Lý do:* Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ đã hết hiệu lực và được thay thế bởi Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ, việc thay đổi nội dung trên nhằm phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

- Điều chỉnh phần căn cứ pháp lý **thành** căn cứ (1) Luật thi đua, khen thưởng năm 2022; (2) Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng; (3) Thông tư số 01/2024/TT-BNV của Bộ Nội vụ quy định biện pháp thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.

*Lý do:* Luật thi đua, khen thưởng năm 2022, Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ và Thông tư số 01/2024/TT-BNV của Bộ Nội vụ đã có hiệu lực thi thành thay thế cho các Văn bản quy phạm pháp luật liên quan lĩnh vực thi đua, khen thưởng cũ.

*b) Kiến nghị thực thi:*

- Sửa đổi Điểm c, i, k của TTHC số 30 mục IV TTHC nội bộ cấp tỉnh (trang 109, 110) theo Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 của UBND tỉnh.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2024 – 2025.

*c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:* Giảm chi phí thực hiện TTHC như chi phí in ấn, chi phí vận chuyển và tạo thuận lợi hơn trong quá trình thực hiện TTHC. Đồng thời, việc cập nhật, xác định rõ cơ sở pháp lý hiện hành thực hiện TTHC giúp thực hiện theo đúng quy định.

## **12. Thủ tục Đề nghị khen thưởng theo đợt thi đua hoặc theo chuyên đề cấp nhà nước (Huân chương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ)**

*a) Nội dung đơn giản hóa:*

- Giảm số lượng báo cáo thành tích chỉ còn **04 bản** đối với hồ sơ đề nghị Huân chương và 03 bản đối với hồ sơ đề nghị Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (kể cả trường hợp của các tập thể và cá nhân cần lấy ý kiến của Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương)<sup>4</sup>.

*Lý do:* Việc giảm số lượng báo cáo thành tích giúp giảm chi phí in ấn, giảm số lượng hồ sơ giấy tờ và giảm chi phí vận chuyển

- *Kiến nghị điều chỉnh quy định về mẫu đơn, mẫu tờ khai, điều chỉnh thành:*  
**“Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Theo mẫu phụ lục kèm theo Nghị định số

<sup>4</sup> Thành phần hồ sơ quy định tại Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 gồm Báo cáo thành tích (05 bản). Đối với tập thể và cá nhân cần lấy ý kiến của Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương thì nộp 07 bản báo cáo thành tích.



98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ.

- Mẫu báo cáo thành tích của Tập thể và cá nhân (mẫu số 08)
- Mẫu báo cáo thành tích của tổ chức nước ngoài (mẫu số 09)
- Mẫu báo cáo thành tích của cá nhân nước ngoài (mẫu số 10)".

*Lý do:* Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ đã hết hiệu lực và được thay thế bởi Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ, việc thay đổi nội dung trên nhằm phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

- Điều chỉnh phần căn cứ pháp lý **thành** căn cứ (1) Luật thi đua, khen thưởng năm 2022; (2) Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng; (3) Thông tư số 01/2024/TT-BNV của Bộ Nội vụ quy định biện pháp thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng; (4) Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính.

*Lý do:* Luật thi đua, khen thưởng năm 2022, Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ và Thông tư số 01/2024/TT-BNV của Bộ Nội vụ đã có hiệu lực thi thành thay thế cho các Văn bản quy phạm pháp luật liên quan lĩnh vực thi đua, khen thưởng cũ.

*b) Kiến nghị thực thi:*

- Sửa đổi điểm c, i, k của TTHC số 31 mục IV TTHC nội bộ cấp tỉnh (trang 115, 116) theo Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 của UBND tỉnh.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2024 – 2025.

*c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:* Giảm chi phí thực hiện TTHC như chi phí in ấn, chi phí vận chuyển và tạo thuận lợi hơn trong quá trình thực hiện TTHC. Đồng thời, việc cập nhật, xác định rõ cơ sở pháp lý hiện hành thực hiện TTHC giúp thực hiện theo đúng quy định.

### **13. Thủ tục Đề nghị tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có quá trình cống hiến trong tổ chức, các cơ quan và đoàn thể (Huân chương)**

*a) Nội dung đơn giản hóa:*

- Giảm số lượng báo cáo thành tích chỉ còn **06 bản** (giảm 02 bản so với số lượng báo cáo thành tích quy định tại Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 của UBND tỉnh là 08 bản)

*Lý do:* Việc giảm số lượng báo cáo thành tích giúp giảm chi phí in ấn, giảm số lượng hồ sơ giấy tờ và giảm chi phí vận chuyển.

- Kiến nghị điều chỉnh quy định về mẫu đơn, mẫu tờ khai, điều chỉnh thành:

“Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: *Theo mẫu phụ lục kèm theo Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ. Mẫu báo cáo thành*

*tích (mẫu số 04) "*

*Lý do:* Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ đã hết hiệu lực và được thay thế bởi Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ, việc thay đổi nội dung trên nhằm phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

- Điều chỉnh phân căn cứ pháp lý **thành** căn cứ (1) Luật thi đua, khen thưởng năm 2022; (2) Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng; (3) Thông tư số 01/2024/TT-BNV của Bộ Nội vụ quy định biện pháp thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng; (4) Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính.

*Lý do:* Luật thi đua, khen thưởng năm 2022, Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ và Thông tư số 01/2024/TT-BNV của Bộ Nội vụ đã có hiệu lực thi thành thay thế cho các Văn bản quy phạm pháp luật liên quan lĩnh vực thi đua, khen thưởng cũ.

*b) Kiến nghị thực thi:*

- Sửa đổi điểm c, i, k của TTHC số 32 mục IV TTHC nội bộ cấp tỉnh (trang 121, 122) theo Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 của UBND tỉnh.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2024 – 2025.

*c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:* Giảm chi phí thực hiện TTHC như chi phí in ấn, chi phí vận chuyển và tạo thuận lợi hơn trong quá trình thực hiện TTHC. Đồng thời, việc cập nhật, xác định rõ cơ sở pháp lý hiện hành thực hiện TTHC giúp thực hiện theo đúng quy định.

## **C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ CẤP HUYỆN**

### **C1. LĨNH VỰC CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC**

#### **14. Thủ tục Nâng bậc lương thường xuyên/nâng phụ cấp thâm niên vượt khung (thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND cấp huyện)**

*a) Nội dung đơn giản hóa:*

- Bỏ hình thức nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp (mục đích không nhân hồ sơ giấy); Quy định cụ thể hình thức nộp hồ sơ: Trực tuyến qua môi trường mạng.

*Lý do:* Thực hiện mục tiêu chuyển đổi số và các TTHC đã dần được tích hợp hoàn chỉnh trên cổng dịch thông tin điện tử của quốc gia, trực liên thông trao đổi văn bản điện tử của các địa phương đã được đưa vào sử dụng hiệu quả. Việc trao đổi, nộp hồ sơ qua môi trường mạng là rất cần thiết và có hiệu quả giảm thiểu chi phí thực hiện TTHC.

- Điều chỉnh trình tự tại Bước 1 trình tự thực hiện của TTHC từ “nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện” thành “nộp hồ sơ tại UBND cấp huyện”; Tại bước 2 trình tự thực hiện của TTHC điều chỉnh “Bộ phận Tiếp nhận và

Trả kết quả chuyển Phòng nội vụ xử lý” thành “UBND cấp huyện tiếp nhận và chỉ đạo Phong Nội vụ xử lý”.

*Lý do:* Đây là TTHC nội bộ, các cơ quan, đơn vị, địa phương có thể gửi qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành đến UBND cấp huyện, UBND cấp huyện sẽ tiếp nhận và chỉ đạo Phòng Nội vụ xử lý, trả kết quả thông qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc phần mềm quản lý văn bản và điều hành, giúp giảm áp lực cho công chức tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả; đồng thời, Phòng nội vụ không cần cử công chức trực nhân hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện.

- Đề xuất quy định thời gian thực hiện và có kết quả giải quyết là 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

*Lý do:* Nhằm đảm bảo thời gian giải quyết hồ sơ được đồng bộ giữa các hồ sơ khác nhau, cụ thể hóa thời gian giúp tranh tình trạng tồn đọng, chậm giải quyết hồ sơ.

- Đề xuất bổ sung căn cứ pháp lý: Thông tư số 04/2005/TT-BNV ngày 05/01/2005 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định số 77/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ về quy định chế độ phụ cấp thâm niên nhà giáo.

*Lý do:* Đối tượng thực hiện nâng lương thường xuyên thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND huyện bao gồm viên chức tại các đơn vị sự nghiệp giáo dục.

*b) Kiến nghị thực thi:*

- Sửa đổi điểm a, b, d và bổ sung k của TTHC số 17 mục II.3 TTHC nội bộ cấp huyện theo Quyết định số 1786/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của UBND tỉnh.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2024 – 2025.

*c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:*

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: Chi phí hiện tại/1 bộ hồ sơ: 3.000 đồng<sup>5</sup> x 40 trang A4<sup>6</sup> (số trang của hồ sơ) = 120.000 đồng/1 bộ hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: Chi phí tiết kiệm là 120.000 đồng (trường hợp TTHC thực hiện 100% trên môi trường mạng), tương ứng tỷ lệ cắt giảm chi phí 100%.

## **15. Thủ tục Công nhận kết quả thực hiện và xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các sở, cơ quan ngang sở, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh và UBND các huyện, thành phố**

*a) Nội dung đơn giản hóa:*

- Kiến nghị quy định cách thức thực hiện: Trực tiếp và trực tuyến.

*Lý do:* Tạo sự thống nhất trong quá trình nộp hồ sơ và gửi trả kết quả.

- Sửa đổi nội dung thành phần hồ sơ từ “Biên bản họp đánh giá của thường trực UBND huyện” thành “Biên bản họp đánh giá của Thường trực các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện”; Sửa đổi “Quyết định công nhận kết quả thực hiện và xếp

<sup>5</sup> Đơn giá photo trang giấy a4 theo quy định của Bộ Tài chính tại Thông tư số 46/2018/TT-BTC ngày 14/5/2018.

<sup>6</sup> Số lượng trang A4 trung bình/1 bộ hồ sơ đối với thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện.

loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND huyện” **thành** “Quyết định công nhận kết quả thực hiện và xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các sở, cơ quan ngang sở, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh và UBND các huyện, thành phố”.

- *Điều chỉnh đối tượng thực hiện thủ tục hành chính từ* “các cơ quan, đơn vị thuộc huyện” **thành** “các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện”.

*Lý do:* Đây là TTHC đánh giá mức độ thực hiện và xếp loại hoàn thành nhiệm vụ của các sở, cơ quan ngang sở, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh và UBND các huyện, thành phố, do đó đối tượng thực hiện chỉ gồm cơ quan, đơn vị thuộc huyện là chưa phù hợp.

- Đề xuất sửa đổi cơ quan thực hiện TTHC: Cơ quan có thẩm quyền quyết định là UBND cấp tỉnh; cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC là Sở Nội vụ. Đồng thời, kiến nghị TTHC “Công nhận kết quả thực hiện và xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các sở, cơ quan ngang sở, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh và UBND huyện, thành phố” là TTHC cấp tỉnh lĩnh vực cán bộ, công chức, viên chức.

*Lý do:* Đây là TTHC đánh giá mức độ thực hiện và xếp loại hoàn thành nhiệm vụ của các sở, cơ quan ngang sở, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh và UBND các huyện, thành phố, do đó UBND cấp huyện không có thẩm quyền quyết định kết quả giải quyết TTHC. Đối với cơ quan trực tiếp thực hiện là Sở Nội vụ do Sở Nội vụ có thẩm quyền trực tiếp tham mưu đánh giá đối các sở, cơ quan ngang sở, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh và UBND các huyện, thành phố.

*b) Kiến nghị thực thi:*

- Sửa đổi, bổ sung điểm b, c, e, f của TTHC số 19 mục II.3 TTHC nội bộ cấp huyện theo Quyết định số 1786/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của UBND tỉnh.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2024 – 2025.

*c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:*

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 7.000.000 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 5.000.000 đồng/năm

- Chi phí tiết kiệm là 2.000.000 đồng/ năm tương ứng với tỷ lệ cắt giảm 28,57%.

**16. Thủ tục Xin nghỉ phép năm của cán bộ, công chức viên chức**

*a) Nội dung đơn giản hóa:*

- Kiến nghị quy định cách thức nộp hồ sơ: trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua môi trường mạng.

*Lý do:* Tạo thuận lợi cho tổ chức, các nhân khi triển khai thực hiện; thống nhất trong quá trình nhận và trả kết quả.

- Kiến nghị quy định thời hạn giải quyết chế độ nghỉ phép là trước 02 ngày kể từ ngày cán, công chức, viên chức được nghỉ phép theo quy định.

*Lý do:* Quy định thời hạn giải quyết giúp cán bộ, công chức, viên chức biết chính xác thời gian nghỉ phép để sắp xếp thời gian giải quyết công việc chuyên môn một cách hợp lý.

- Bổ sung căn cứ pháp lý: Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

*Lý do:* Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ đã được ban hành và có hiệu lực từ ngày 07/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ; Nghị định 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ đã được ban hành và có hiệu lực từ ngày 01/8/2023.

*b) Kiến nghị thực thi:*

- Sửa đổi, bổ sung điểm b, d, k của TTHC số 20 mục II.3 TTHC nội bộ cấp huyện theo Quyết định số 1786/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của UBND tỉnh.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2024 – 2025.

*c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:* Việc quy định thời gian giải quyết TTHC giúp các cơ quan, đơn vị thực hiện TTHC theo dõi được quá trình thực hiện.

## **17. Thủ tục Cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng**

*a) Nội dung đơn giản hóa:*

- Kiến nghị quy định về cách thức thực hiện: trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua môi trường mạng.

*Lý do:* Tạo thuận lợi cho tổ chức, các nhân khi triển khai thực hiện; thống nhất trong quá trình nhận và trả kết quả.

*b) Kiến nghị thực thi:*

- Bổ sung điểm b của TTHC số 21 mục II.3 TTHC nội bộ cấp huyện theo Quyết định số 1786/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của UBND tỉnh.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2024 – 2025.

*c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:* Tạo thuận lợi cho tổ chức, các nhân khi triển khai thực hiện TTHC; thống nhất trong quá trình nhận và trả kết quả TTHC.

## **18. Thủ tục Điều động viên chức từ đơn vị sự nghiệp đến UBND cấp xã**

*a) Nội dung đơn giản hóa:*

- Kiến nghị điều chỉnh tên TTHC từ “Điều động viên chức từ các đơn vị sự nghiệp công lập đến UBND cấp xã” thành “Điều động viên chức từ các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc huyện đến UBND cấp xã”.

*Lý do:* Đây là TTHC cấp huyện do đó cần đổi tên TTHC như kiến nghị để giới hạn phạm vi thực hiện (tại cấp huyện).

- Kiến nghị quy định về cơ quan thực hiện TTHC:

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Nội vụ.

+ Cơ quan phối hợp thực hiện: các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND cấp huyện có viên chức được điều động, UBND cấp xã tiếp nhận viên chức được điều động.

*Lý do:* Quy định cụ thể cơ quan thực hiện TTHC để xác định nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị, địa phương trong quá trình thực hiện.

- Kiến nghị quy định kết quả thực hiện TTHC là Quyết định điều động.

*Lý do:* Quy định kết quả thực hiện để cụ thể, đảm bảo hồ sơ đầu ra của TTHC.

- Kiến nghị quy định căn cứ pháp lý: Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố”; Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.

*Lý do:* Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/8/2023.

*b) Kiến nghị thực thi:*

- Sửa đổi, bổ sung điểm f, g, k của TTHC số 22 mục II.3 TTHC nội bộ cấp huyện theo Quyết định số 1786/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của UBND tỉnh.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2024 – 2025.

*c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:* Thay đổi tên TTHC, cụ thể hóa cơ quan thực hiện, kết quả thực hiện TTHC để phù hợp với thực tế do đó chưa có cơ sở để dự kiến kinh phí tiết kiệm. Đồng thời việc xác định rõ cơ sở pháp lý thực hiện TTHC, tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức nghiên cứu, tổ chức thực hiện.

## **C2. LĨNH VỰC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

### **19. Thủ tục Đánh giá Chỉ số cải cách hành chính UBND cấp huyện**

*a) Nội dung đơn giản hóa:*

- Ngoài 03 trình tự thực hiện đã quy định, kiến nghị bổ sung:

+ Sau khi kết thúc quá trình tự đánh giá, giải trình bổ sung trên phần mềm, các sở, ban, ngành tiến hành thẩm định, đánh giá kết quả thực hiện đối với từng lĩnh vực phụ trách.

+ Sở Nội vụ tổng hợp kết quả đánh giá chung và tham mưu UBND tỉnh quyết định công bố Chỉ số cải cách hành chính hằng năm.

*Lý do:* Quy định cụ thể trình tự thực hiện để đảm bảo thống nhất, đồng bộ trong quá trình thực hiện TTHC giữa các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện.

*b) Kiến nghị thực thi:*

- Bổ sung Điểm a của TTHC số 25 mục II.3 TTHC nội bộ cấp huyện theo Quyết định số 1786/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của UBND tỉnh.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2024 – 2025.

*c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:* Bổ sung trình tự thực hiện để phù hợp với thực tế, tạo thuận lợi trong quá trình thực hiện TTHC.

### **C3. LĨNH VỰC THI ĐUA - KHEN THƯỞNG**

#### **20. Thủ tục tặng kỷ niệm cương Vì sự nghiệp xây dựng phát triển tỉnh**

*a) Nội dung đơn giản hóa:*

- Kiến nghị quy định cụ thể cách thức thực hiện, nộp hồ sơ là trực tuyến.

*Lý do:* Thực hiện mục tiêu chuyển đổi số và các TTHC đã dần được tích hợp hoàn chỉnh trên cổng dịch thông tin điện tử của quốc gia, trực liên thông trao đổi văn bản điện tử của các địa phương đã được đưa vào sử dụng hiệu quả. Do đó, việc trao đổi, nộp hồ sơ qua môi trường mạng là rất cần thiết; tạo sự thống nhất trong cách thức thực hiện giữa các địa phương.

- Kiến nghị giảm số lượng Tờ trình (02 bản), Biên bản (02 bản), Báo cáo thành tích (08 bản) còn 01 bản cho mỗi thành phần nêu trên (trong trường hợp tuân thủ cách thức thực hiện qua môi trường mạng).

*Lý do:* Khi đối tượng thực hiện nộp hồ sơ trực tuyến, các cơ quan giải quyết TTHC có thể chia sẻ dữ liệu hồ sơ với nhau qua nền tảng quản lý văn bản điện tử hoặc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC do đó không cần thiết phải cung cấp số lượng thành phần hồ sơ nhiều hơn 01 bản.

- Quy định mẫu đơn, mẫu tờ khai trong hồ sơ TTHC theo quy định tại Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.

- Bãi bỏ, điều chỉnh phần căn cứ pháp lý từ Luật thi đua, khen thưởng ngày 26/11/2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật thi đua, khen thưởng 2005, 2013, 2022; Nghị định số 91/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng; Thông tư số 12/2019/TT- BNV ngày 07/11/2019 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ thành căn cứ Luật thi đua, khen thưởng năm 2022 và Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng, Thông tư số 01/2024/TT-BNV của Bộ Nội vụ quy định biện pháp thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.

*Lý do:* Luật thi đua, khen thưởng năm 2022, Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ và Thông tư số 01/2024/TT-BNV của Bộ Nội vụ đã có hiệu lực thi thành thay thế cho các Văn bản quy phạm pháp luật liên quan lĩnh vực thi đua, khen thưởng cũ.

*b) Kiến nghị thực thi:*

- Sửa đổi, bổ sung điểm b, c, i và k của TTHC số 26 mục II.3 TTHC nội bộ cấp huyện theo Quyết định số 1786/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của UBND tỉnh.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2024 - 2025

c) *Lợi ích phương án đơn giản hóa*: Việc cập nhật, xác định rõ cơ sở pháp lý hiện hành thực hiện TTHC, tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức nghiên cứu, tổ chức thực hiện theo đúng quy định. Đối với kiến nghị quy định cách thức thực hiện trực tuyến sẽ giảm chi phí thực hiện TTHC, giảm thiểu tình trạng sử dụng hồ sơ giấy.

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 02 ngày công x 250.000đ = 500.000đ (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1/2 ngày công (thực hiện thao tác thông qua môi trường mạng) x 250.000đ = 125.000đ.

- Chi phí tiết kiệm: 375.000 đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 75%.

## **21. Thủ tục Xét tặng công dân ưu tú**

a) *Nội dung đơn giản hóa*:

- *Sửa đổi kết quả thực hiện TTHC từ* “Quyết định khen thưởng (năng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc” *thành* “Quyết định tặng danh hiệu công dân ưu tú”.

*Lý do*: Thay đổi kết quả thực hiện TTHC để phù hợp với kết quả đầu ra của TTHC và nội dung in giấy khen tặng danh hiệu công dân ưu tú.

- Kiến nghị quy định căn cứ pháp lý thực hiện: Luật thi đua, khen thưởng năm 2022 và Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng, Thông tư số 01/2024/TT-BNV của Bộ Nội vụ quy định biện pháp thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.

*Lý do*: Luật thi đua, khen thưởng năm 2022, Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ và Thông tư số 01/2024/TT-BNV của Bộ Nội vụ đã có hiệu lực thi thành, quy định để làm cơ sở pháp lý trong quá trình thực hiện TTHC.

b) *Kiến nghị thực thi*:

- Sửa đổi, bổ sung điểm g, k của TTHC số 27 mục II.3 TTHC nội bộ cấp huyện theo Quyết định số 1786/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của UBND tỉnh.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2024 – 2025.

c) *Lợi ích phương án đơn giản hóa*: Đảm bảo phù hợp với thực tế và căn cứ thực hiện TTHC theo quy định hiện hành.



#### IV. NGÀNH TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

##### 22. Thủ tục Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện

###### a) Nội dung đơn giản hoá:

- Giảm 01 ngày, trong thời gian lấy ý kiến thành viên Hội đồng thẩm định kế hoạch sử dụng đất (tổng thời gian của bước này còn 14 ngày).

- Lý do: Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính, đẩy nhanh tiến độ thực hiện hồ sơ, giảm chi phí tuân thủ thủ tục hành chính, nâng cao sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp.

###### b) Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị sửa đổi Khoản 6, Điều 9, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ (được sửa đổi bổ sung tại Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP).

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2024 – 2025.

###### c) Lợi ích phương án đơn giản hoá

- Chi phí thực hiện TTHC trước khi đơn giản: 8.000.000<sup>7</sup> đồng.

- Chi phí thực hiện TTHC sau khi đơn giản: 7.680.000 đồng.

- Chi phí tiết kiệm: 320.000 đồng (01 ngày công).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 4,0%.

---

<sup>7</sup> Thời gian thực hiện thủ tục hành chính ước tính thu nhập bình quân lao động quý 1/2024 là 7,6 triệu đồng (theo số liệu công bố của Tổng cục Thống kê tại địa chỉ <https://www.gos.gov.vn/tin-tuc-thong-ke/2024/03/bao-cao-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-quv-i-nam-2024>).

## V. NGÀNH TÀI CHÍNH

### 23. Thủ tục Trình phê duyệt dự toán ngân sách hàng năm khối huyện

#### a) Nội dung đơn giản hóa:

- Sửa đổi, bổ sung quy định thời gian giải quyết TTHC nội bộ:

+ **Từ:** “150 ngày làm việc kể từ ngày Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước hàng năm, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm đến ngày 30 tháng 11 hàng năm (đảm bảo việc Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định dự toán ngân sách địa phương, phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm sau trước ngày 10 tháng 12 quy định tại Điều 22 Nghị định 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định thời gian hướng dẫn lập, xây dựng, tổng hợp, quyết định và giao dự toán ngân sách nhà nước)”.

+ **Thành:** “Kể từ ngày Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước hàng năm, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm đến ngày 30 tháng 11 hàng năm. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định dự toán ngân sách địa phương, phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm sau trước ngày 10 tháng 12 quy định tại Điều 22 Nghị định 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định thời gian hướng dẫn lập, xây dựng, tổng hợp, quyết định và giao dự toán ngân sách nhà nước”.

- **Lý do:** Nội dung quy định về thời gian giải quyết TTHC nội bộ (Trình phê duyệt dự toán ngân sách hàng năm khối huyện) không được quy định cụ thể về số ngày làm việc tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

#### b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Mục d (thời gian giải quyết) tại Thủ tục số 1 (Trình phê duyệt dự toán ngân sách hàng năm khối huyện) thuộc Quyết định số 326/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai.

- Thẩm quyền đơn giản hóa: Chủ tịch UBND tỉnh.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2024-2025.

c) **Lợi ích phương án đơn giản hóa:** Thực hiện theo đúng quy định hiện hành của cấp có thẩm quyền, đảm bảo tính rõ ràng, thống nhất về thời gian giải quyết TTHC nội bộ.

## VI. NGÀNH XÂY DỰNG

### THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ CẤP HUYỆN

#### (Lĩnh vực Quy hoạch - Kiến trúc)

**24. Thủ tục thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình không theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện**

a) *Nội dung đơn giản hóa:* Giảm thời gian giải quyết:

+ Giảm thời gian thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết từ 20 ngày xuống còn 18 ngày (*Giảm 02 ngày*).

+ Lý do giảm: giảm thời gian thực hiện thẩm định tại Phòng Quản lý đô thị giúp tiết kiệm thời gian trong quy trình thực hiện TTHC giải quyết TTHC nội bộ.

- Bổ sung căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Bổ sung Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn thay thế Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 và Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng.

+ Bổ sung Quyết định số 59/2023/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị trên địa bàn tỉnh Đồng Nai thay thế Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 15/3/2017 và Quyết định số 62/2020/QĐ-UBND ngày 21/12/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai.

b) *Kiến nghị thực thi:*

- Kiến nghị Bộ Xây dựng tham mưu Thủ tướng Chính Phủ xem xét giảm thời gian thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch được quy định tại Điều 32, Nghị định số 37/2010/CP-NĐ ngày 07/10/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị.

- Sở Xây dựng theo dõi kết quả phê duyệt của Thủ tướng Chính Phủ, Bộ Xây dựng để tham mưu UBND tỉnh xem xét, sửa đổi quy định về thời gian thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch tại Khoản 2, Điều 17 Quyết định số 59/2023/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 về việc ban hành Quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị trên địa bàn tỉnh Đồng Nai sau khi các quy phạm pháp luật được cấp có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh và Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh sau khi các quy phạm pháp luật được cấp có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh.

- Sở Xây dựng tham mưu UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung TTHC nội bộ, phần căn cứ pháp lý tại Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành, cụ thể: Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng; Quyết định số 59/2023/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh Đồng Nai.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2024-2025.

*c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:*

- Để đảm bảo thực hiện đúng và đầy đủ các quy định pháp lý hiện hành.

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 20 ngày công x 253.000 = 5.060.000 đồng

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 18 ngày công x 253.000 = 4.454.000 đồng

- Chi phí tiết kiệm: 506.000 đồng (02 ngày công).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 12%.

**25. Thủ tục thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình không theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện**

*a) Nội dung đơn giản hóa*

- Giảm thời gian giải quyết

+ Giảm thời gian thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh từ 25 ngày xuống còn 23 ngày (*Giảm 02 ngày*).

+ Lý do giảm: giảm thời gian thực hiện thẩm định tại Phòng Quản lý đô thị giúp tiết kiệm thời gian trong quy trình thực hiện TTHC giải quyết TTHC nội bộ.

- Bổ sung căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

+ Bổ sung Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn thay thế Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 và Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng.

+ Bổ sung Quyết định số 59/2023/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị trên địa bàn tỉnh Đồng Nai thay thế Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 15/3/2017 và Quyết định số 62/2020/QĐ-UBND ngày 21/12/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai.

*b) Kiến nghị thực thi*

- Kiến nghị Bộ Xây dựng tham mưu Thủ tướng Chính Phủ xem xét giảm thời gian thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch được quy định tại Điều 32 Nghị định số 37/2010/CP-NĐ ngày 07/10/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị.

- Sở Xây dựng theo dõi kết quả phê duyệt của Thủ tướng Chính Phủ để tham mưu UBND tỉnh xem xét, sửa đổi quy định về thời gian thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch tại Khoản 2, Điều 17 Quyết định số 59/2023/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 về việc ban hành Quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực

hiện quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh sau khi các quy phạm pháp luật được cấp có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh.

- Sở Xây dựng tham mưu UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung TTHC nội bộ, phần căn cứ pháp lý của nội dung thủ tục lĩnh vực quy hoạch kiến trúc được Chủ tịch UBND tỉnh ban hành tại Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 cụ thể: (Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng; Bổ sung Quyết định số 59/2023/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh Đồng Nai).

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2024-2025.

*c) Lợi ích phương án đơn giản hóa*

- Để đảm bảo thực hiện đúng và đầy đủ các quy định pháp lý hiện hành.

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 25 ngày công x 253.000 = 6.325.000 đồng

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 23 ngày công x 250.000 = 5.819.000 đồng

- Chi phí tiết kiệm: 506.000 đồng (02 ngày công)

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 8%.

## VII. NGÀNH TƯ PHÁP

### 26. Cập nhật văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật

#### a) Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian thực hiện đăng tải văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật từ 15 ngày còn 13 ngày.

- Lý do: Sớm công bố, công khai quy định pháp luật góp phần giúp cho người dân sớm tiếp cận, nắm bắt được các quy định pháp luật, nhất là các quy định về chính sách.

#### b) Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Bộ Tư pháp xem xét, đề xuất Chính phủ trình Quốc hội sửa đổi Điều 157, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020).

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2024 – 2025.

#### c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15 ngày công x 250.000 = 3.750.000 đồng.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 13 ngày công x 250.000 = 3.250.000 đồng.

- Chi phí tiết kiệm: 500.000 đồng (02 ngày công).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13,3%.

## VIII. NGÀNH THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

### 27. Hiệp y khen thưởng đối với Sở Thông tin và Truyền thông

#### a) Nội dung đơn giản hóa

- Bổ sung cách thức nộp trực tuyến qua Hệ thống phần mềm Quản lý văn bản và điều hành công việc.

- Điều chỉnh quy định, căn cứ pháp lý **thành** căn cứ: Thông tư số 11/2023/TT-BTTTT ngày 30/9/2023 hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Thông tin và Truyền thông.

*Lý do:* Tại Quyết định số 1001/QĐ-BTTTT ngày 09/6/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông không quy định cách thức nộp hồ sơ và căn cứ pháp lý khen thưởng đã hết hiệu lực.

#### b) Kiến nghị thực thi

- Kiến nghị Bộ Thông tin và Truyền thông bổ sung thêm cách thức nộp hồ sơ trực tuyến và kiến nghị Bộ sớm sửa đổi, điều chỉnh Quyết định số 1001/QĐ-BTTTT ngày 09/6/2023 về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu sửa đổi điểm K của TTHC số 01 mục A Phần II nội dung chi tiết cụ thể của từng TTHC nội bộ được ban hành tại Quyết định số 1643/QĐ-UBND ngày 03/6/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh (Điều chỉnh quy định, căn cứ pháp lý thành căn cứ: Thông tư số 11/2023/TT-BTTTT ngày 30/9/2023 hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Thông tin và Truyền thông).

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2024 – 2025.

#### c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa

- Việc bổ sung phương thức nộp hồ sơ trực tuyến thông qua Hệ thống phần mềm Quản lý văn bản và điều hành công việc nhằm đa dạng cách thức nộp hồ sơ, giúp tổ chức dễ dàng hơn và có nhiều lựa chọn trong việc nộp hồ sơ.

- Giảm chi phí phô tô, in ấn và thời gian trong trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến hoặc qua đường bưu chính.

- Góp phần quan trọng vào tiến trình chuyển đổi số và thực hiện nhiệm vụ xây dựng chính quyền số, chính quyền điện tử.

- Việc cập nhật, xác định rõ cơ sở pháp lý hiện hành của TTHC nội bộ giúp thực hiện theo đảm bảo quy định.

### 28. Thủ tục Hiệp y khen thưởng đối với các cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn tỉnh

#### a) Nội dung đơn giản hóa

- Bổ sung cách thức nộp trực tuyến qua Hệ thống phần mềm Quản lý văn bản và điều hành công việc.

- Điều chỉnh quy định, căn cứ pháp lý **thành** căn cứ: Thông tư số 11/2023/TT-BTTTT ngày 30/9/2023 hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Thông tin và Truyền thông.

*Lý do:* Quyết định số 1001/QĐ-BTTTT ngày 09/6/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông không quy định cách thức nộp hồ sơ và căn cứ pháp lý khen thưởng đã hết hiệu lực.

*b) Kiến nghị thực thi*

- Kiến nghị Bộ Thông tin và Truyền thông bổ sung thêm cách thức nộp hồ sơ trực tuyến và kiến nghị Bộ sớm sửa đổi, điều chỉnh Quyết định số 1001/QĐ-BTTTT ngày 09/6/2023 về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu sửa đổi điểm K của TTHC số 01 mục A Phần II nội dung chi tiết cụ thể của từng TTHC nội bộ được ban hành tại Quyết định số 1643/QĐ-UBND ngày 03/6/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh (Điều chỉnh quy định, căn cứ pháp lý thành căn cứ: Thông tư số 11/2023/TT-BTTTT ngày 30/9/2023 hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Thông tin và Truyền thông).

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2024 – 2025.

*c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa*

- Việc bổ sung phương thức nộp hồ sơ trực tuyến thông qua Hệ thống phần mềm Quản lý văn bản và điều hành công việc nhằm đa dạng cách thức nộp hồ sơ, giúp tổ chức dễ dàng hơn và có nhiều lựa chọn trong việc nộp hồ sơ.

- Giảm chi phí phô tô, in ấn và thời gian trong trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến hoặc qua đường bưu chính.

- Góp phần quan trọng vào tiến trình chuyển đổi số và thực hiện nhiệm vụ xây dựng chính quyền số, chính quyền điện tử.

- Việc cập nhật, xác định rõ cơ sở pháp lý hiện hành của TTHC nội bộ giúp thực hiện theo đảm bảo quy định.

**29. Thủ tục Phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin đối với hệ thống thông tin được đề xuất cấp độ 3**

*a) Nội dung đơn giản hóa:* Bổ sung cách thức nộp trực tuyến qua Hệ thống phần mềm Quản lý văn bản và điều hành công việc.

*Lý do:* Tại Quyết định số 1001/QĐ-BTTTT ngày 09/6/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông không quy định cách thức nộp hồ sơ.

*b) Kiến nghị thực thi:*

- Kiến nghị Bộ Thông tin và Truyền thông bổ sung thêm cách thức nộp hồ sơ trực tuyến và kiến nghị Bộ sớm sửa đổi, điều chỉnh Quyết định số 1001/QĐ-BTTTT ngày 09/6/2023 về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông.



- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2024 – 2025.

*c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa*

- Việc bổ sung phương thức nộp hồ sơ trực tuyến thông qua Hệ thống phần mềm Quản lý văn bản và điều hành công việc nhằm đa dạng cách thức nộp hồ sơ, giúp tổ chức dễ dàng hơn và có nhiều lựa chọn trong việc nộp hồ sơ.

- Giảm chi phí phô tô, in ấn và thời gian trong trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến hoặc qua đường bưu chính.

- Góp phần quan trọng vào tiến trình chuyển đổi số và thực hiện nhiệm vụ xây dựng chính quyền số, chính quyền điện tử.

**30. Thủ tục Phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin đối với hệ thống thông tin được đề xuất cấp độ 1 và cấp độ 2**

*a) Nội dung đơn giản hóa:* Bổ sung cách thức nộp trực tuyến qua Hệ thống phần mềm Quản lý văn bản và điều hành công việc.

*Lý do:* tại Quyết định số 1001/QĐ-BTTTT ngày 09/6/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông không quy định cách thức nộp hồ sơ.

*b) Kiến nghị thực thi:*

- Kiến nghị Bộ Thông tin và Truyền thông bổ sung thêm cách thức nộp hồ sơ trực tuyến và kiến nghị Bộ sớm sửa đổi, điều chỉnh Quyết định số 1001/QĐ-BTTTT ngày 09/6/2023 về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2024 – 2025.

*c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa*

- Việc bổ sung phương thức nộp hồ sơ trực tuyến thông qua Hệ thống phần mềm Quản lý văn bản và điều hành công việc nhằm đa dạng cách thức nộp hồ sơ, giúp tổ chức dễ dàng hơn và có nhiều lựa chọn trong việc nộp hồ sơ.

- Giảm chi phí phô tô, in ấn và thời gian trong trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến hoặc qua đường bưu chính.

- Góp phần quan trọng vào tiến trình chuyển đổi số và thực hiện nhiệm vụ xây dựng chính quyền số, chính quyền điện tử.

**31. Thủ tục Thẩm định hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn hệ thống thông tin đối với hệ thống thông tin được đề xuất cấp độ 3**

*a) Nội dung đơn giản hóa:* Bổ sung cách thức nộp trực tuyến qua Hệ thống phần mềm Quản lý văn bản và điều hành công việc.

*Lý do:* Quyết định số 1001/QĐ-BTTTT ngày 09/6/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông không quy định cách thức nộp hồ sơ.

*b) Kiến nghị thực thi:*

- Kiến nghị Bộ Thông tin và Truyền thông bổ sung thêm cách thức nộp hồ sơ trực tuyến và kiến nghị Bộ sớm sửa đổi, điều chỉnh Quyết định số 1001/QĐ-BTTTT

ngày 09/6/2023 về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2024 – 2025.

*c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa*

- Việc bổ sung phương thức nộp hồ sơ trực tuyến thông qua Hệ thống phần mềm Quản lý văn bản và điều hành công việc nhằm đa dạng cách thức nộp hồ sơ, giúp tổ chức dễ dàng hơn và có nhiều lựa chọn trong việc nộp hồ sơ.

- Giảm chi phí phô tô, in ấn và thời gian trong trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến hoặc qua đường bưu chính.

- Góp phần quan trọng vào tiến trình chuyển đổi số và thực hiện nhiệm vụ xây dựng chính quyền số, chính quyền điện tử.

### **32. Thủ tục Thẩm định thiết kế cơ sở (trường hợp thiết kế 2 bước), thiết kế chi tiết (trường hợp thiết kế 1 bước) dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin nhóm B**

*a) Nội dung đơn giản hóa:* Bổ sung cách thức nộp trực tuyến qua Hệ thống phần mềm Quản lý văn bản và điều hành công việc.

Lý do: Quyết định số 1001/QĐ-BTTTT ngày 09/6/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ quy định cách thức nộp hồ sơ trực tiếp.

*b) Kiến nghị thực thi:*

- Kiến nghị Bộ Thông tin và Truyền thông bổ sung thêm cách thức nộp hồ sơ trực tuyến và kiến nghị Bộ sớm sửa đổi, điều chỉnh Quyết định số 1001/QĐ-BTTTT ngày 09/6/2023 về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2024 – 2025.

*c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:*

- Việc bổ sung phương thức nộp hồ sơ trực tuyến thông qua Hệ thống phần mềm Quản lý văn bản và điều hành công việc nhằm đa dạng cách thức nộp hồ sơ, giúp tổ chức dễ dàng hơn và có nhiều lựa chọn trong việc nộp hồ sơ.

- Giảm chi phí phô tô, in ấn và thời gian trong trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến hoặc qua đường bưu chính.

- Góp phần quan trọng vào tiến trình chuyển đổi số và thực hiện nhiệm vụ xây dựng chính quyền số, chính quyền điện tử.

### **33. Thủ tục Thẩm định thiết kế cơ sở (trường hợp thiết kế 2 bước), thiết kế chi tiết (trường hợp thiết kế 1 bước) dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin nhóm C**

*a) Nội dung đơn giản hóa:* Bổ sung cách thức nộp trực tuyến qua Hệ thống phần mềm Quản lý văn bản và điều hành công việc.

Lý do: Quyết định số 1001/QĐ-BTTTT ngày 09/6/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ quy định cách thức nộp hồ sơ trực tiếp.

*b) Kiến nghị thực thi:*

- Kiến nghị Bộ Thông tin và Truyền thông bổ sung thêm cách thức nộp hồ sơ trực tuyến và kiến nghị Bộ sớm sửa đổi, điều chỉnh Quyết định số 1001/QĐ-BTTTT ngày 09/6/2023 về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2024 – 2025.

*c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:*

- Việc bổ sung phương thức nộp hồ sơ trực tuyến thông qua Hệ thống phần mềm Quản lý văn bản và điều hành công việc nhằm đa dạng cách thức nộp hồ sơ, giúp tổ chức dễ dàng hơn và có nhiều lựa chọn trong việc nộp hồ sơ.

- Giảm chi phí phô tô, in ấn và thời gian trong trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến hoặc qua đường bưu chính.

- Góp phần quan trọng vào tiến trình chuyển đổi số và thực hiện nhiệm vụ xây dựng chính quyền số, chính quyền điện tử.

**34. Thủ tục Thẩm định đề cương và dự toán chi tiết hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước**

*a) Nội dung đơn giản hóa:* Bổ sung cách thức nộp trực tuyến qua Hệ thống phần mềm Quản lý văn bản và điều hành công việc.

Lý do: Quyết định số 1001/QĐ-BTTTT ngày 09/6/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ quy định cách thức nộp hồ sơ trực tiếp.

*b) Kiến nghị thực thi:*

- Kiến nghị Bộ Thông tin và Truyền thông bổ sung thêm cách thức nộp hồ sơ trực tuyến và kiến nghị Bộ sớm sửa đổi, điều chỉnh Quyết định số 1001/QĐ-BTTTT ngày 09/6/2023 về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2024 – 2025.

*c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:*

- Việc bổ sung phương thức nộp hồ sơ trực tuyến thông qua Hệ thống phần mềm Quản lý văn bản và điều hành công việc nhằm đa dạng cách thức nộp hồ sơ, giúp tổ chức dễ dàng hơn và có nhiều lựa chọn trong việc nộp hồ sơ.

- Giảm chi phí phô tô, in ấn và thời gian trong trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến hoặc qua đường bưu chính.

- Góp phần quan trọng vào tiến trình chuyển đổi số và thực hiện nhiệm vụ xây dựng chính quyền số, chính quyền điện tử./.